



Cổng xếp thông minh



Bản internet

Công ty TNHH cổ phần Cơ khí Golden Mountain
50971 No. 56, Xinggong Rd., Shengang Township, Chuansing
Industry Park, Changhua County, Taiwan (R.O.C.)

Bản quyền năm 2022

Công ty TNHH cổ phần Cơ khí Golden Mountain Bản quyền năm 2022



Nhãn hiệu SUNBEAM

Hệ thống điều khiển cửa toàn diện, kiên cố, chống gió, thông minh, an toàn cao

SUNBEAM là thương hiệu của Công ty TNHH cổ phần Cơ khí Golden Mountain, là một trong những nhà sản xuất tiên phong và sáng tạo mới về hệ thống điều khiển cửa cho văn phòng, nhà máy và gia đình. Thành lập vào năm 1973, các sản phẩm đoạt giải thưởng của SUNBEAM bao gồm mô tơ cửa cuốn, cửa cuốn, cửa cuốn chống gió thông minh, cửa cuốn chống gió tốc độ cao, máy cổng trượt và cổng xếp thông minh. Tất cả các sản phẩm đã đạt chứng nhận ISO9001. Tổng diện tích văn phòng và nhà máy sản xuất là 8.938 m2 và nằm ở khu vực miền Trung Đài Loan. độc quyền trong lĩnh vực sản xuất các loại cửa.

SUNBEAM tiếp tục duy trì tinh thần nhiệt huyết, sáng tạo, tỉ mỉ, gia nhập những kỹ thuật, nguyên vật liệu và dịch vụ mới, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, hướng đến sản xuất các sản phẩm thông minh, là giải pháp giúp các loại cửa cuốn và mô tơ bền, kiên cố. Công nghệ của SUNBEAM đã giành được chứng nhận độc quyền ở Đài Loan, Nhật Bản, Mỹ và Châu Âu, đồng thời nhận được tài trợ của Bộ Kinh tế Đài Loan (SBIR) để phát triển công nghệ mới trong các sản phẩm được cấp bằng sáng chế độc quyền trong lĩnh vực sản xuất các loại cửa.

Bằng sáng chế trong nước và quốc tế



Sự tích lũy nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn và phát triển công nghệ, do đó đã giành được rất nhiều chứng nhận và huy chương phát minh sáng chế trong nước và quốc tế. Đây là minh chứng cho cam kết của chúng tôi đối với hướng đi mới trong sáng tạo công nghiệp.



Chủ tịch Hội đồng quản trị Hồng Kim Sâm sáng lập công ty

Năm **1973**

Mở rộng quy mô nhà xưởng, văn phòng và chuyển đến địa chỉ hiện nay

Năm **1991**

Năm **1987**

Công ty nhận giải thưởng của Triển lãm phát minh khu vực Viễn Đông của Hiệp hội thương mại quốc tế Đài Bắc

Năm **1992**

Nâng cấp nhà máy và mở rộng sản xuất kinh doanh

Được cấp Chứng nhận quốc tế về quản lý chất lượng sản phẩm - ISO 9000

Năm **2001**

Năm **2005**

Đến nay, nghiên cứu và phát triển mô tơ cửa chính thông minh và là sản phẩm đã nhận được tài trợ của Bộ Kinh tế Đài Loan SBIR dành cho các sản phẩm được cấp bằng sáng chế độc quyền.

Xây dựng nhà máy sản xuất cửa cuốn chống gió thứ hai.

Năm **2007**

Sản phẩm cửa cuốn chống gió đã vinh dự giành được giải thưởng 20 năm phát minh độc quyền và nhận được tài trợ của Bộ Kinh tế Đài Loan SBIR dành cho các sản phẩm được cấp bằng sáng chế độc quyền.

Năm **2014**

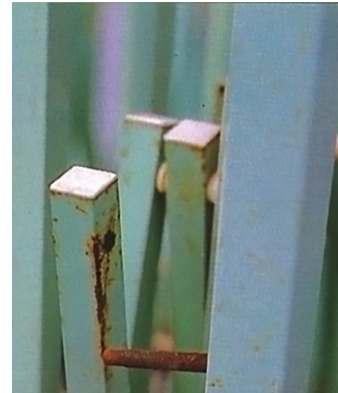
Cửa cuốn chống gió tốc độ cao ra đời

Xây dựng nhà máy sản xuất thứ 3, sản xuất cửa cuốn chống gió tốc độ cao

Năm **2016**

Hệ thống điều khiển cổng loại thường - có thể gặp phải một số tình trạng

Mô tơ chuyển động, hệ thống cổng xếp do vận hành và ma sát liên tục, trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt ngoài trời và sử dụng thường xuyên, rất dễ bị ảnh hưởng và phát sinh sự cố.



	Tình trạng trật ray	
	Sự cố cửa lung lay	
	Ma sát tạo ra tiếng ồn và gây hư hỏng sản phẩm	
Nguy cơ an toàn do gió mạnh gây ra	Bạn đã xem xét đầy đủ về vấn đề an toàn chưa?	
Xích chuyển động quay tự do	Rỉ sét	
Tình trạng mất điện		
Tình huống khẩn cấp	Xử lý sự cố	
Hao mòn, hỏng hóc	Trơn trượt khi trời mưa	



Không cần lo lắng - Nhân hiệu SUNBEAM với 50 năm kinh nghiệm trong việc nghiên cứu, cải tiến, tái cơ cấu và cải tạo hệ thống cổng chính, chú trọng tính chi tiết, loại bỏ các yếu tố ảnh hưởng đến tính an toàn và tuổi thọ. Cổng xếp SUNBEAM được thiết kế để thích ứng với bạn, đảm bảo lâu dài cho sự an toàn của bạn - Không cần lo lắng.



Bền bỉ với thời gian

kết cấu không rỉ sét



bền chắc, kiên cố

Chịu được sự khắc nghiệt của thời tiết và duy trì kết cấu hoàn chỉnh

Nhược điểm của cổng xếp truyền thống

Bạn có biết nhược điểm chí mạng của cổng xếp truyền thống không?

1. Không có thiết kế an toàn chạm dừng và tự động trượt lùi rồi lại tự động đóng cổng, tính nguy hiểm cao.
2. Sau khi đóng cổng, không thể tự động khóa lại hoàn toàn, dễ xảy ra nguy cơ bị đẩy mở cổng.
3. Sử dụng khóa điện từ, đẩy nhẹ là mở ra, tính an toàn không đủ.
4. Khi mất điện, khóa điện từ mất tác dụng, có thể bị khóa ngược.
5. Khó nhận biết khi khóa điện xảy ra sự cố, dễ gây ra hư tổn cho mô tơ.
6. Có nguy cơ bị gió mạnh thổi ngã sau khi đóng cửa, hoặc khi đang vận hành.
7. Tín hiệu điều khiển ở tầng cao hoặc tầng hầm, có thể bị cản trở, không thể thu nhận được.
8. Xích chuyển động dễ bị trật khỏi con lăn, làm con lăn chuyển động tại chỗ.
9. Gia tăng vật nặng tại con lăn để phòng tránh con lăn chuyển động tại chỗ, nhưng ngược lại, có thể gây khó di dời khi chuyển về "mở".
10. Ốc vít hoặc ê cu dùng để cố định các thanh chéo rất dễ rơi rớt.
11. Các thanh chéo đan móc vào nhau, qua thời gian dài rung lắc sẽ tạo thành các lỗ hình oval, kết cấu bị mài mòn, dễ gây hỏng hóc.
12. Thanh chính và thanh chéo được dập lỗ dài, kết cấu dễ bị hỏng hóc.
13. Máng trượt làm bằng nhựa dễ đứt gãy, U trượt dễ giãn nở, thanh khung dễ rơi khỏi ray.
14. Trục quay con lăn bằng sắt, dễ bị rỉ sét và mắc kẹt, mô tơ chuyển động khó khăn.
15. Con lăn chủ dễ bị mài mòn, bạc đạn chống nước không tốt.
16. Khi con lăn bị trượt hoặc mắc kẹt, không có chức năng dừng khi vận hành quá thời gian, dễ gây cháy hỏng mô tơ.
17. Mô tơ đóng mở điện từ truyền thống khi gặp sự cố rất khó kiểm tra và sửa chữa, cũng không có đèn hiển thị sự cố trên bảng mạch điện.



Tiện dụng

Cách thức thao tác điều khiển đa dạng và hoàn chỉnh



An toàn

Thiết bị bảo vệ dừng lại bằng tia hồng ngoại



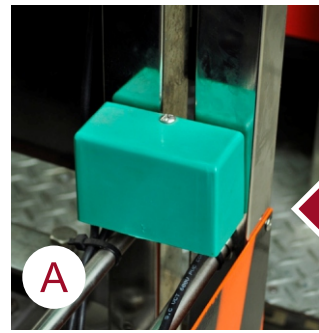
Còi báo động



Đèn cảnh báo



Cổng xếp Chú trọng chi tiết



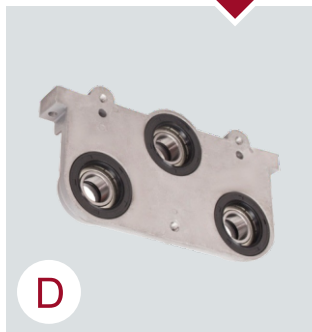
A
Thiết bị an toàn chạm dừng
(được cấp bằng sáng chế)



B
Thiết kế khóa cơ cố định
có thể phòng chống đẩy
mở và gió mạnh thổi ngã
(được cấp bằng sáng chế)



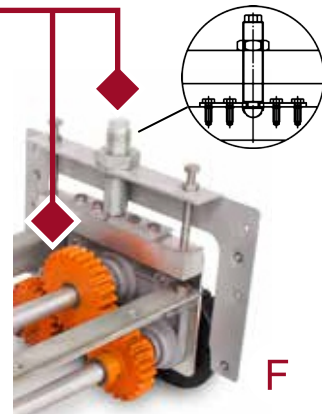
C
Khóa cố định



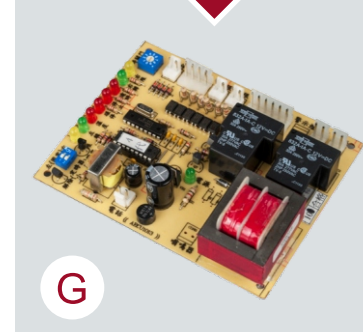
D
Gối đỡ bạc đạn chống
nước nguyên khối



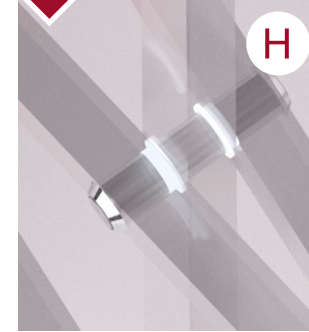
E
Cần gạt bộ li hợp chuyển
về "mô" trong trường hợp
khẩn cấp hoặc mất điện
(thiết bị thao tác bằng tay)



F
Thiết kế cần gạt xoay 360° có
thể tự động tăng áp ở 2 cấp độ,
giảm trơn trượt
(được cấp bằng sáng chế)



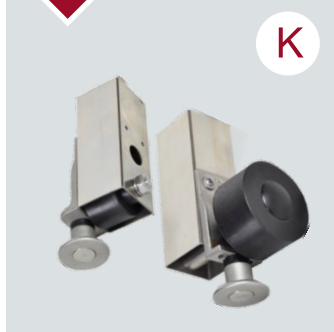
G
Bảng mạch điện cung cấp
rất nhiều ứng dụng to lớn.



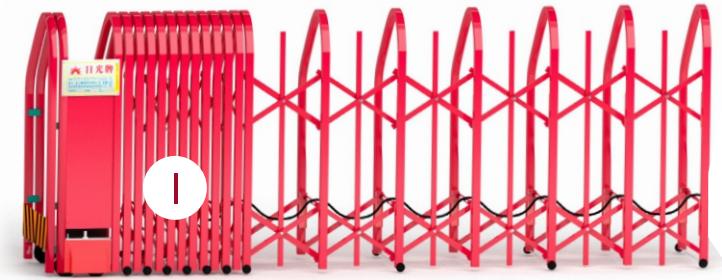
H
Toàn bộ bạc lót và mũ
chụp được làm từ inox,
đảm bảo kết cấu bền chắc
(Được cấp bằng sáng chế)



J
Bạc đạn đĩa kim bằng inox
có thể chống kẹt và ma sát
(Được cấp bằng sáng chế)



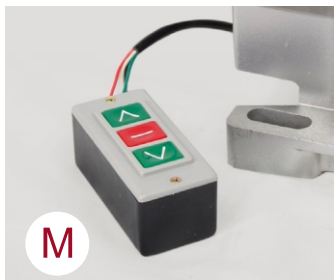
K
Thiết bị bánh chốt chống
gió an toàn
(Được cấp bằng sáng chế)



I
Cổng kích thước lớn được phân đoạn mở ra, xếp vào, giảm áp lực cho
mô tơ, kéo dài tuổi thọ cho cổng. (Được cấp bằng sáng chế)



L
kết cấu không rỉ sét



M
Thiết kế điện khí an toàn

A
Thiết bị chạm dừng là một trong những chức năng an toàn vô cùng quý báu của SUNBEAM, có thể bảo vệ người và vật tránh khỏi nguy hiểm. Khi cổng xếp đang đóng lại, thiết bị chạm dừng chạm phải và cảm ứng có vật thể, cổng xếp sẽ dừng lại và lập tức lùi lại 3 giây, tạm dừng 4 giây, sau đó, mới tiếp tục đóng cửa lại, thiết kế đặc biệt này có thể hoạt động tự động liên tục 3 lần. Ứng dụng chạm dừng thông minh này có mối quan hệ mật thiết với thiết kế bảng mạch điện của chúng tôi.

B
Khi cổng đóng lại, khóa cơ cố định của chúng tôi có thể phòng chống đột nhập và cung cấp tính ổn định khi gặp gió mạnh.

C
Khóa cơ cố định, không cần lo lắng như khóa điện tử, khi mất điện đột ngột sẽ không mở được cửa.

D
Bạc đạn với bạc lót bảo vệ và vòng đệm chữ O giúp chống nước toàn diện, làm gia tăng tuổi thọ của sản phẩm

E
Trong trường hợp khẩn cấp hoặc mất điện, cần gạt bộ li hợp chuyển về "mô", bánh răng được tách rời, có thể dùng tay để đẩy mở cổng. Gạt cần gạt về vị trí cũ, sẽ chuyển về phương thức thao tác bằng điện.

F
Cần điều khiển tự động tăng áp của đế chuyển động áp dụng thiết kế cần gạt đầu tròn xoay 360°, có thể tự động điều chỉnh tăng áp cho mô men xoắn và điều chỉnh cân bằng, đồng thời, cùng với thiết kế giá chuyển động bánh răng 3 chấu, đảm bảo con lăn chuyển động thẳng bằng, ổn định trên ray, và chắc chắn con lăn với ray có độ ma sát lớn nhất để tránh trơn trượt, điều này giải thích cho việc không cần gia tăng vật nặng ở để để chống trơn trượt như sản phẩm truyền thống.

G
Chức năng to lớn của thiết kế bảng mạch điện đa năng là có thể đáp ứng nhiều loại ứng dụng thông minh, dùng các màu hiển thị của đèn LED để nhanh chóng nhận biết và xử lý sự cố (ví dụ: sự cố đóng mở cửa), ngoài ra còn cho phép người dùng tùy ý thiết lập độ rộng mở cửa, dùng điện thoại điều khiển đóng mở cửa, điều khiển từ xa và đèn cảnh báo v.v...

H
Thiết kế mũ chụp 3 chấu inox an toàn, giúp cố định thanh chính không rơi rớt. Bạc lót inox không rỉ sét giúp cố định giữa thanh chính và thanh chéo, đảm bảo khi cổng chuyển động đóng mở, chúng được tự do di chuyển. (Bạc lót bằng nhựa dễ bị bào mòn)

I
Cổng xếp có thể thiết lập phân đoạn mở ra, xếp vào, tránh việc mở ra, xếp vào toàn bộ, giảm áp lực và bào mòn do chuyển động cho mô tơ.

J
Con lăn sử dụng bạc đạn đĩa kim bằng inox để đảm bảo chuyển động xoay thuận lợi, tránh trường hợp trục quay rỉ sét làm con lăn bị kẹt, gia tăng lực cản của cổng, làm cho cổng không thể vận hành trơn tru.

K
Bánh chốt chống gió dạng đứng, trượt ở vành dưới của ray, khi gặp gió mạnh, có thể cung cấp thêm lực chống đỡ theo chiều thẳng đứng.

L
Máng trượt inox độc lập có thể đảm bảo thanh chéo trượt cân bằng và kiên cố. (Chú ý: Các nhà cung cấp khác sử dụng máng trượt bằng nhựa hoặc dập khe trượt trên thanh trụ để sử dụng như máng trượt. Cách làm này có thể nhanh chóng bào mòn thanh trụ và làm tổn hại đến tính ổn định của kết cấu.)

M
Công tắc đóng mở đều áp dụng thiết kế an toàn điện áp thấp 12V, tránh trường hợp trời mưa, nước xâm nhập vào công tắc gây ra điện giật cho người sử dụng.

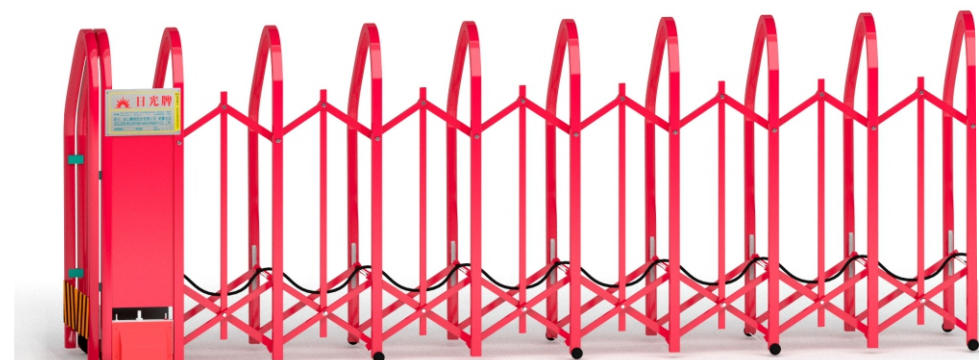
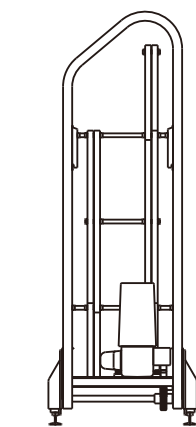
Đặc điểm

Giới thiệu ngắn gọn về sự khác biệt của sản phẩm cổng xếp
Phần này sẽ liệt kê chức năng khác biệt của các sản phẩm cổng xếp của chúng tôi

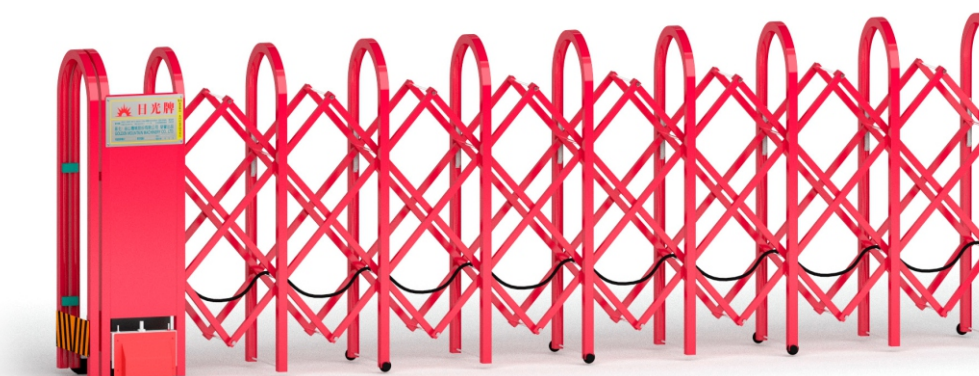
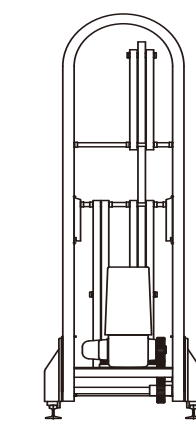
Kiểu dáng khung cổng

Để chỉ hình dáng phần phía trên của khung cổng

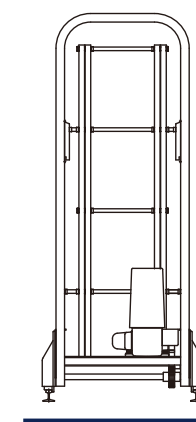
A- Kiểu vạt chéo



B- Kiểu bán nguyệt



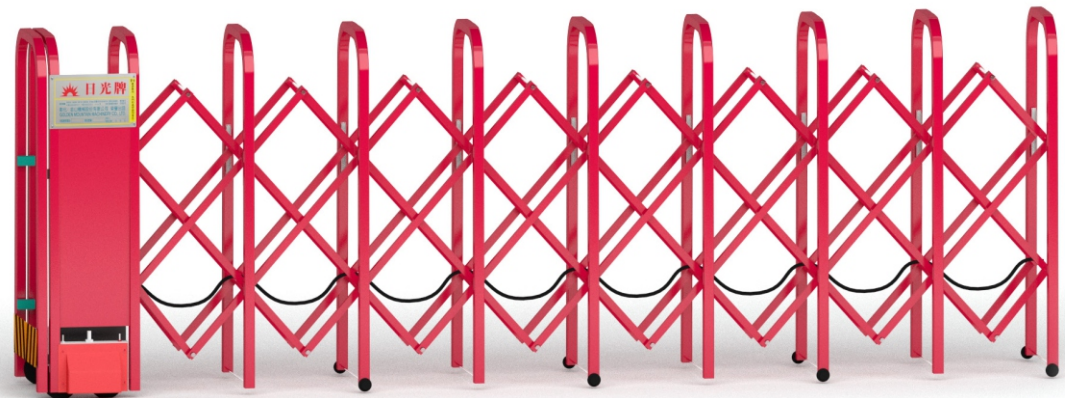
C- Kiểu vuông



Lá chắn

Lá chắn là tấm kim loại cố định ở mặt trước cổng, nhằm cung cấp thêm tính ổn định và an toàn. Khung cổng inox kết hợp với lá chắn inox. Khung cổng thép đen kết hợp với lá chắn thép đen. Đối với độ dày và chiều cao của lá chắn, xin tham khảo Phụ lục 2.

A- Không lá chắn



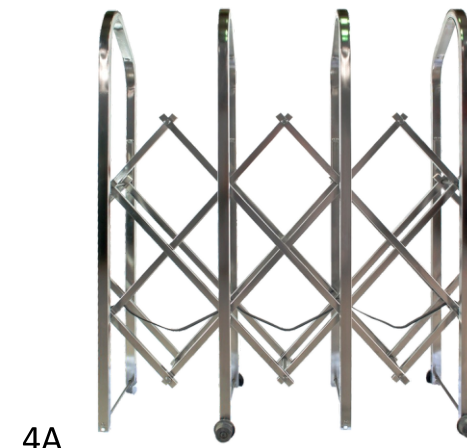
B- Nửa kín



C- Kín toàn bộ



Kết cấu thanh chéo

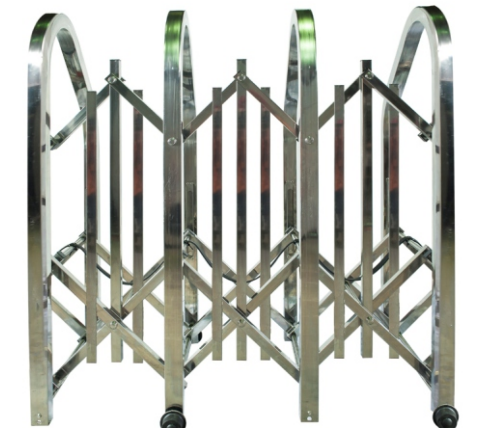


4A

Thanh chéo là sự kết hợp giữa kết cấu đan chéo với thanh chính thẳng đứng, thiết kế của thanh chéo là thông qua việc đàn trả và thu hồi để đóng, mở cửa.



2V



3V



3X




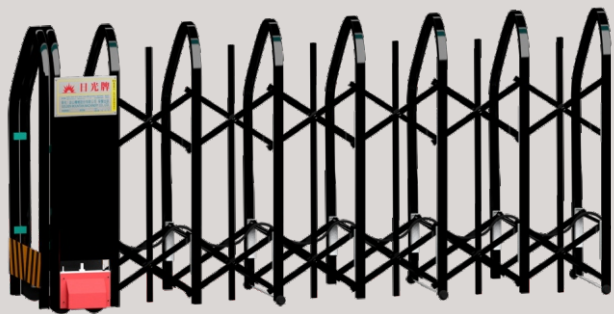
4X

Vật chất Ống thép mạ kẽm thường được gọi là thép đen (sơn phủ bột)
Inox 304 (sáng bóng/ điện giải/ sơn phủ bột)



Màu sắc

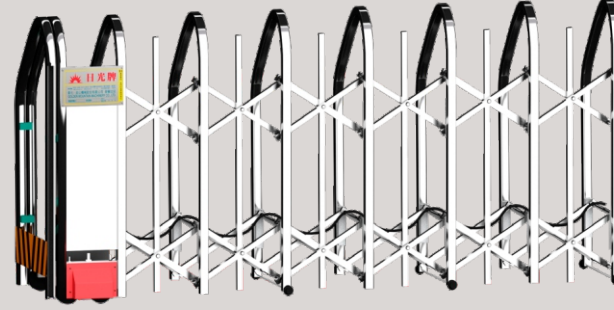
 Đen




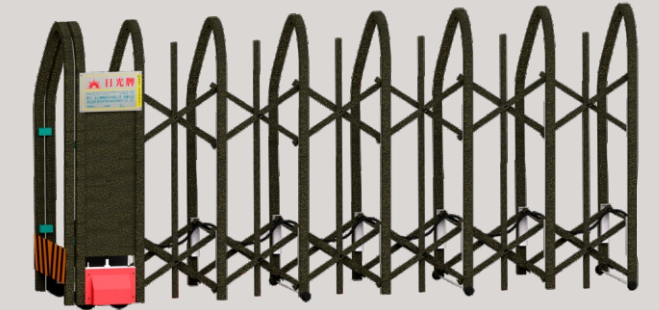
 Trắng ngà



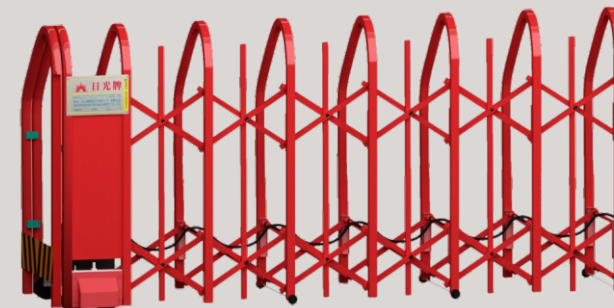
 Ánh kim (sáng bóng)



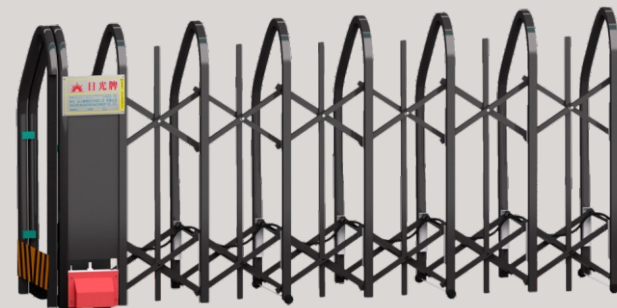
 Sơn màu đồng vân sọc



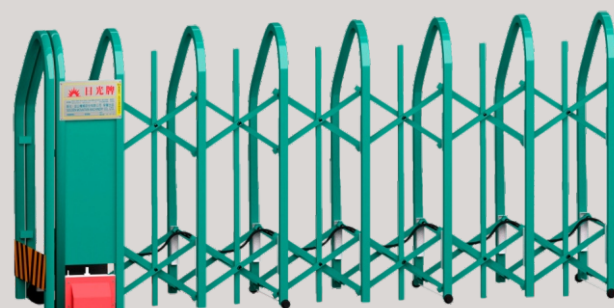
 Đỏ



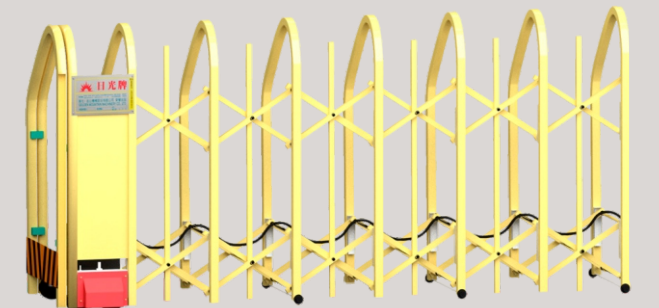
 Xám đậm



 Xanh lục bảo



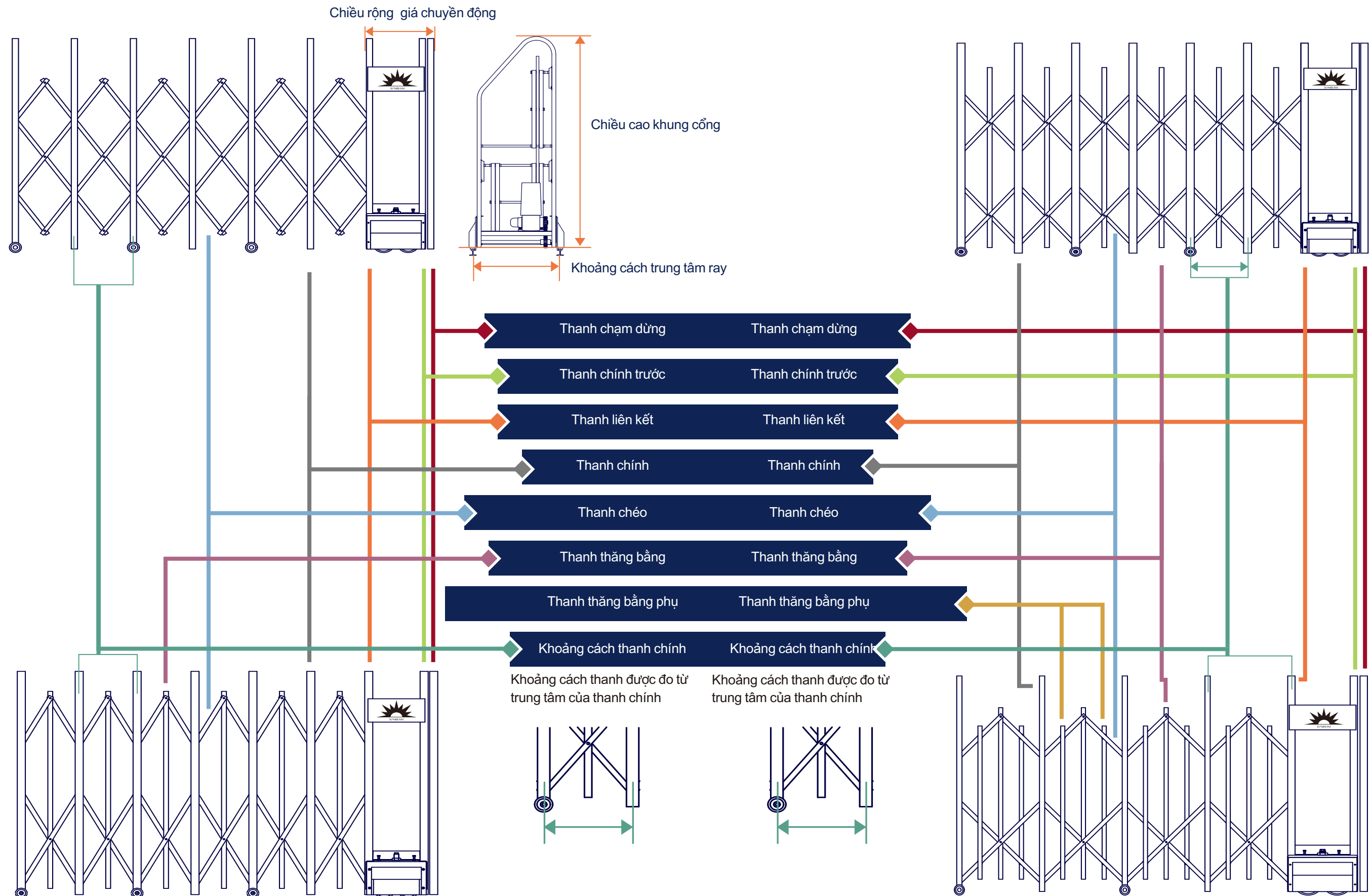
 Vàng mỡ gà



Màu sắc từng đợt hàng có thể khác nhau đôi chút, màu sắc chỉ mang tính tham khảo

Định nghĩa khung cổng

Ở đây, chúng tôi định nghĩa khung cổng nhằm miêu tả chi tiết ở phần sau



Cách lắp ráp cổng xếp

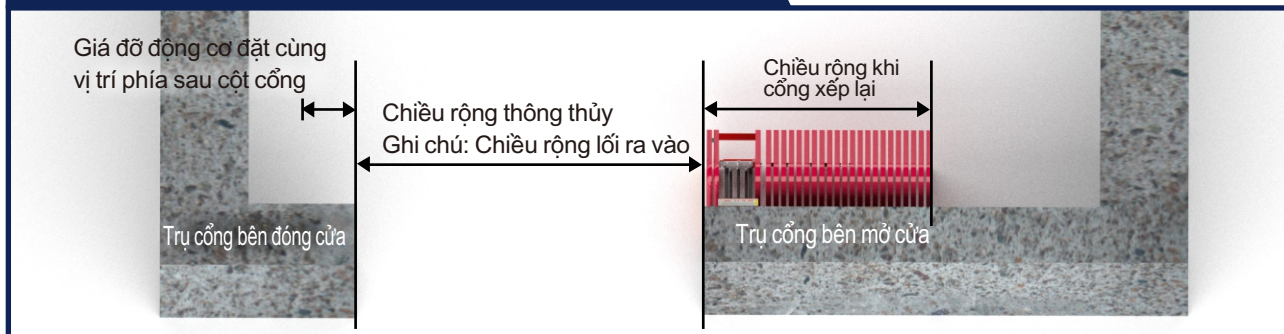
Có 3 cách lắp ráp cổng

Cách A: Lắp cổng bên trong trụ cổng (cách bán mở)



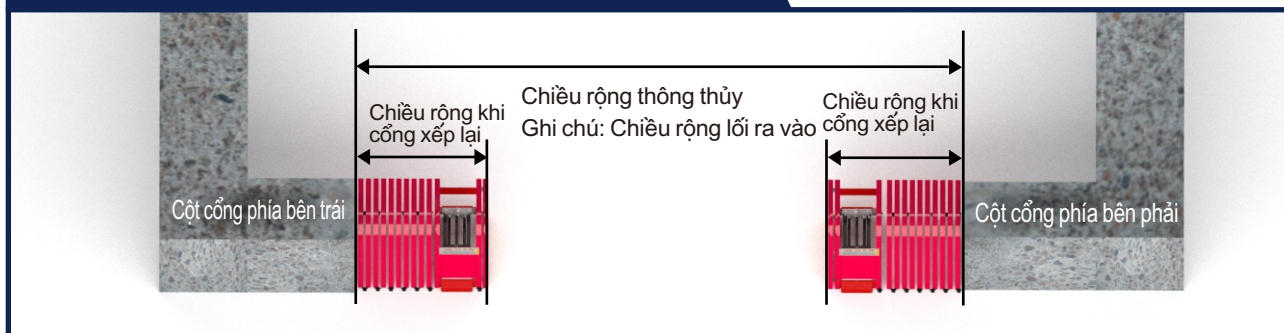
Cách lắp cổng này được cố định bên trong cột cổng, khi đóng, cổng sẽ khít sát với cột còn lại. Khi cổng xếp lại hoàn toàn, cổng vẫn chiếm 1 phần diện tích của lối ra vào (bán mở).

Cách B: Lắp cổng phía sau cột cổng (mở hoàn toàn)



Cách lắp cổng này đặt cổng xếp cố định phía sau cột cổng hoặc tường. Khi cổng xếp lại hoàn toàn, toàn bộ cổng thu vào phía sau cột cổng hoặc tường, vì thế, chiều rộng lối ra vào hoàn toàn không bị chiếm không gian (mở hoàn toàn).

Cách C: Mở cổng hai bên (giữa và sau cột cổng)



Mở cổng hai bên sử dụng hai bộ hệ thống điện máy, có thể nhanh chóng đóng mở cổng trong trường hợp lối ra vào quá rộng, vì sử dụng thao tác mở đối chiều sẽ tốn ít thời gian hơn so với thao tác mở cùng chiều.



Xác định số lượng thanh khung

Cổng xếp SUNBEAM căn cứ vào chiều rộng thông thủy giữa hai trụ cổng (lối ra vào) và cách lắp đặt (bán mở/ mở hoàn toàn) để xác định số lượng thanh chính cần thiết. Bạn có thể sử dụng Bảng quy cách trong Phụ lục 1 để tính toán tổng số thanh chính hoặc liên lạc với người đại diện của SUNBEAM để được hỗ trợ.

Căn cứ vào bảng dưới đây, nếu chiều rộng giữa hai trụ cổng (chiều rộng lối ra vào) là 6,2 mét, và bạn quyết định lắp cổng theo cách bán mở (cổng sau khi xếp lại, nằm phía trong trụ cổng), thì tổng số thanh chính cần thiết là 16 thanh.

Nếu chiều rộng thông thủy là 6 mét, và bạn quyết định lắp cổng theo cách mở hoàn toàn (cổng sau khi xếp lại, nằm sau trụ cổng), xin đối chiếu với cột "Áp dụng cho cách mở hoàn toàn" để tìm ra kích cỡ lớn hơn hoặc bằng 6 mét, thì sẽ tìm ra số thanh chính cần thiết là 19 thanh, tổng chiều dài cổng khi kéo ra hoàn toàn là 7,64 mét, khi xếp lại là 1,08 mét.

Bảng dưới đây trích từ Phụ lục 1, bảng A

Số lượng thanh chính đã bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng	(Áp dụng cho cách bán mở) Chiều rộng khi kéo ra, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (m)	Chiều rộng khi xếp lại, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (m)	(Áp dụng cho cách mở hoàn toàn) Chiều rộng thông thủy khi mở hoàn toàn (mét)
19	7.64	1.08	6.23
20	8.09	1.12	6.64
21	8.54	1.16	7.05
22	8.99	1.20	7.46
23	9.44	1.24	7.87

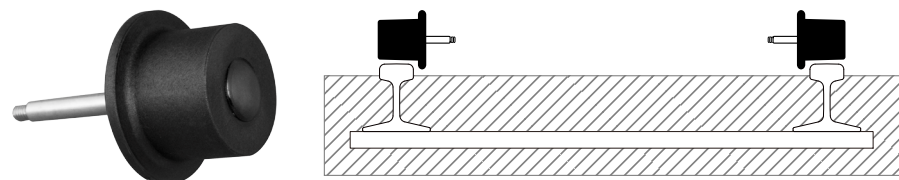
Sân bóng đá 45cm

Cách lắp ray cổng

Cổng xếp SUNBEAM có 4 cách lắp ráp con lăn và ray

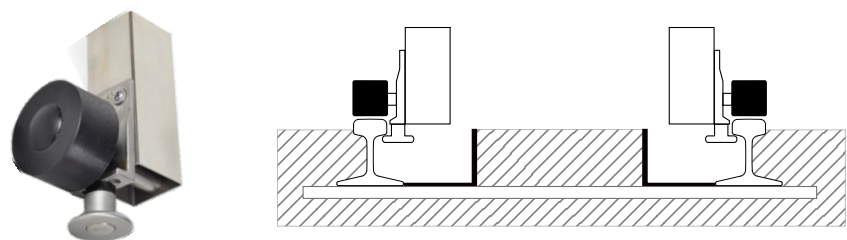
Ray chữ I 6kg

Con lăn của ray chữ I 6kg



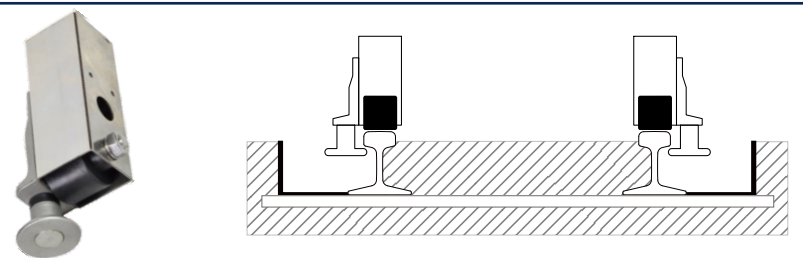
Bánh chốt chống gió trong

Chống gió mạnh- Bánh chốt chống gió trong (sử dụng cho ray chữ I)



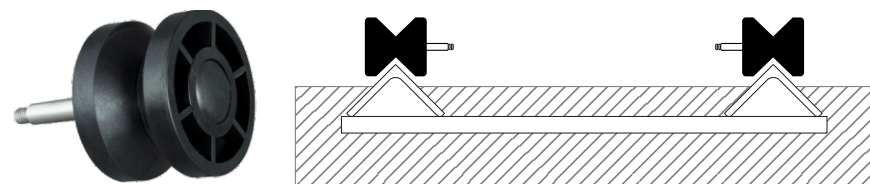
Bánh chốt chống gió ngoài

Chống gió mạnh- Bánh chốt chống gió ngoài (sử dụng cho ray chữ I)



Ray V

Bánh xe sắt ray V



Đặt mua sản phẩm Golden Mountain

Lựa chọn hình dáng khung cổng

Lựa chọn hình dáng thanh chéo

Lựa chọn màu sắc và chất liệu

Lựa chọn thêm lá chắn (không lá chắn/ nửa kín/ kín toàn bộ)

Xác định cách lắp ráp

Tham khảo Phụ lục 1 để xác định số lượng thanh chính hoặc liên lạc với người đại diện của SUNBEAM để được hỗ trợ.

Xác định cách thi công ray

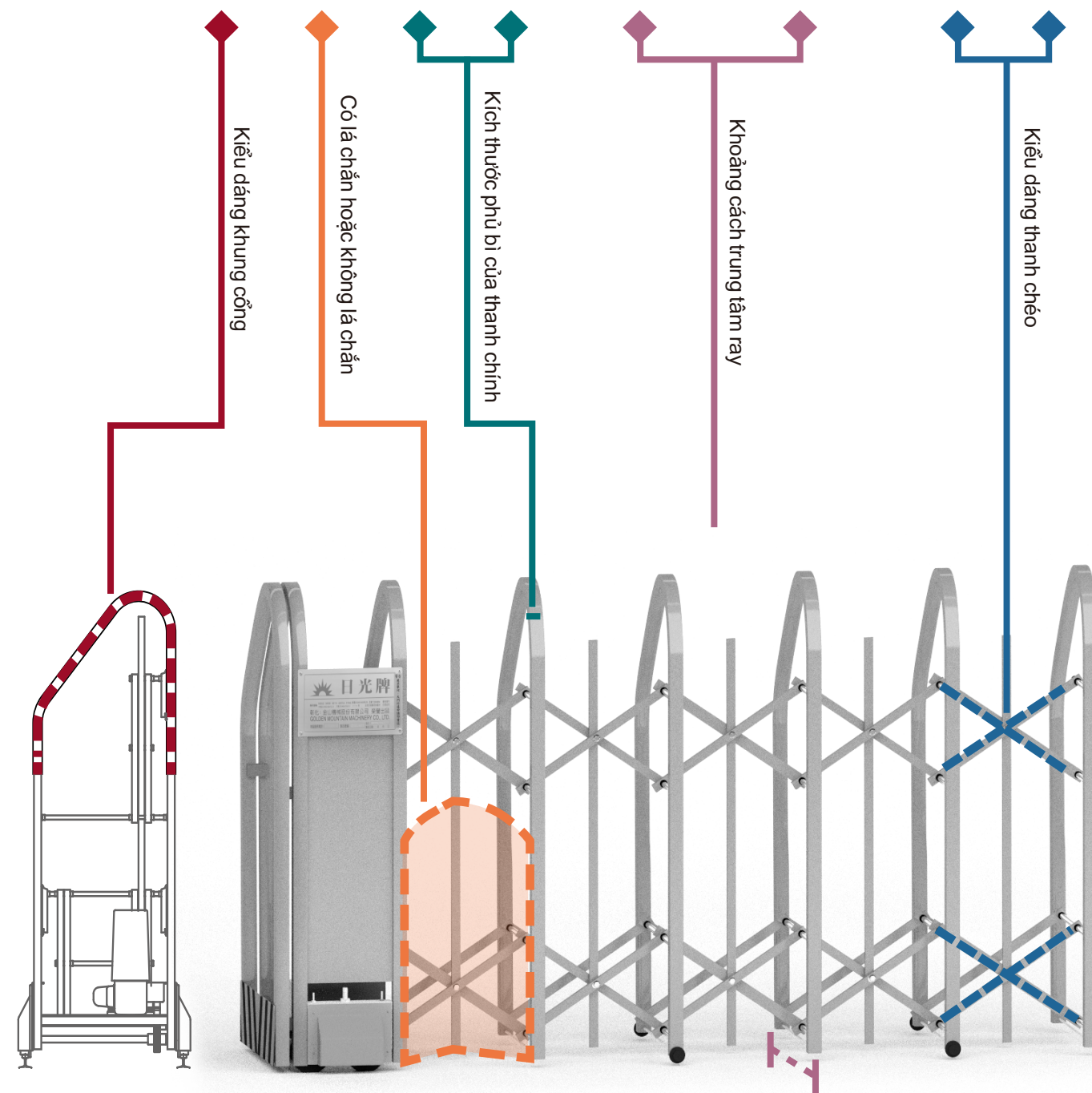
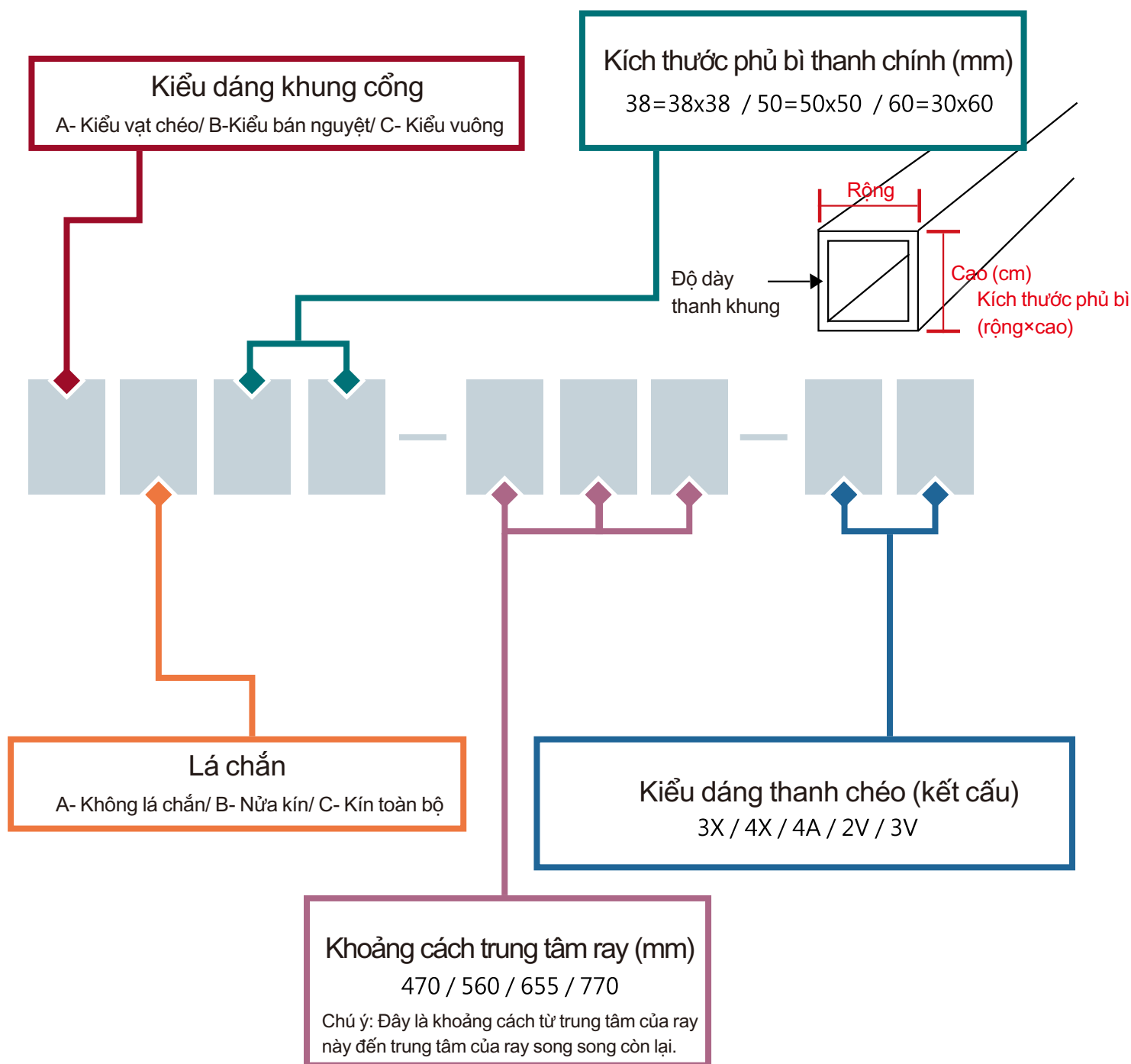
Vui lòng tham khảo quy cách tiêu chuẩn của chúng tôi, và kiểm tra xem có phù hợp với quy cách của bạn không. Những quy cách này bao gồm kích thước phủ bì thanh khung, chiều cao và khoảng cách trung tâm ray.

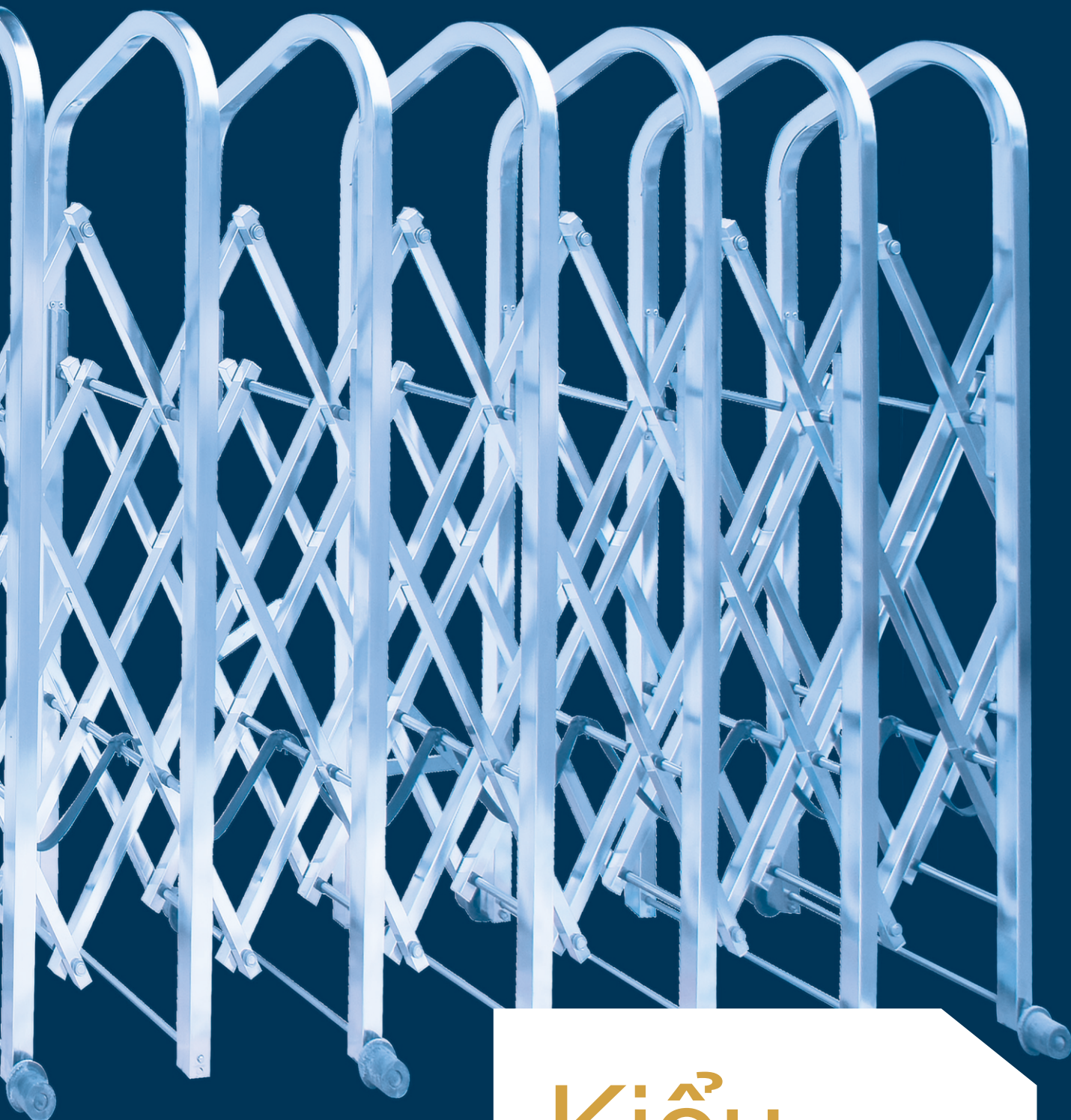
Vui lòng liên lạc với người đại diện của SUNBEAM

Thuyết minh về số serie sản phẩm

Ví dụ

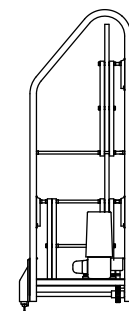
AA38 - 770 - 3X



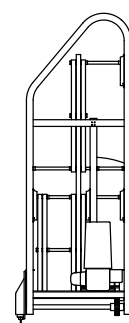


Kiểu vạt chéo

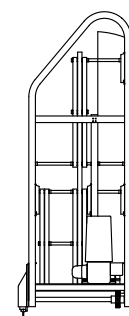
AA - 38 560
50 - 655 - 3X
60 770



AB - 38 560
50 - 655 - 3X
60 770



AC - 38 560
50 - 655 - 3X
60 770



Khoảng cách trung tâm ray (mm)	560 / 655 / 770 Ống 50 số serie 560-4A không áp dụng cho loại nửa kín/ kín toàn bộ			
Kiểu dáng thanh chéo	3X			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38	50 x 50	30 x 60	
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25	30 x 30	30 x 30	
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng (mm)	25 x 25	30 x 30	20 x 40	
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	36/40	36/40/45	36/40/45	36/40/45

Chú ý:

1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm



AA - 38 560
50 - 655 - 4A
60 770



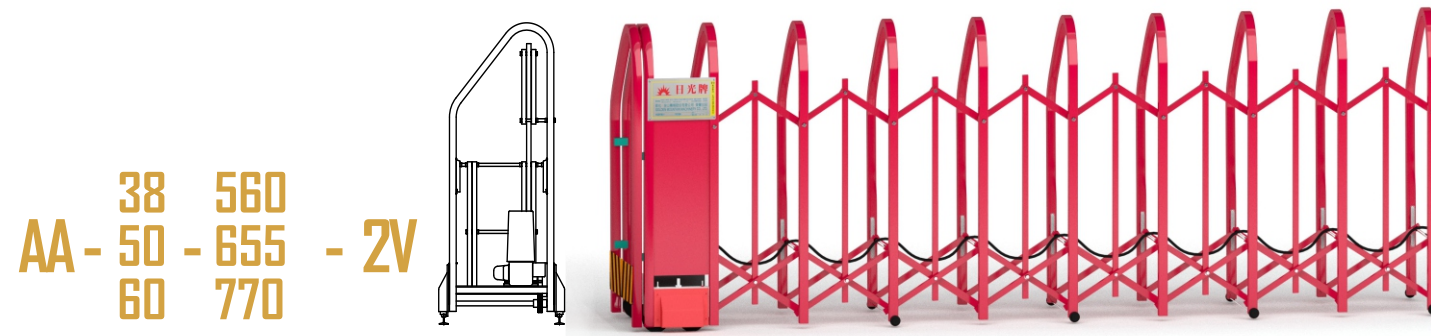
AB - 38 560
50 - 655 - 4A
60 770



AC - 38 560
50 - 655 - 4A
60 770

Khoảng cách trung tâm ray (mm)	560 / 655 / 770 Ống 50 số serie 560-4A không áp dụng cho loại nửa kín/ kín toàn bộ			
Kiểu dáng thanh chéo	4A			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38	50 x 50	30 x 60	
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25	30 x 30	30 x 30	
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	36/40	36/40/45	36/40/45	36/40/45

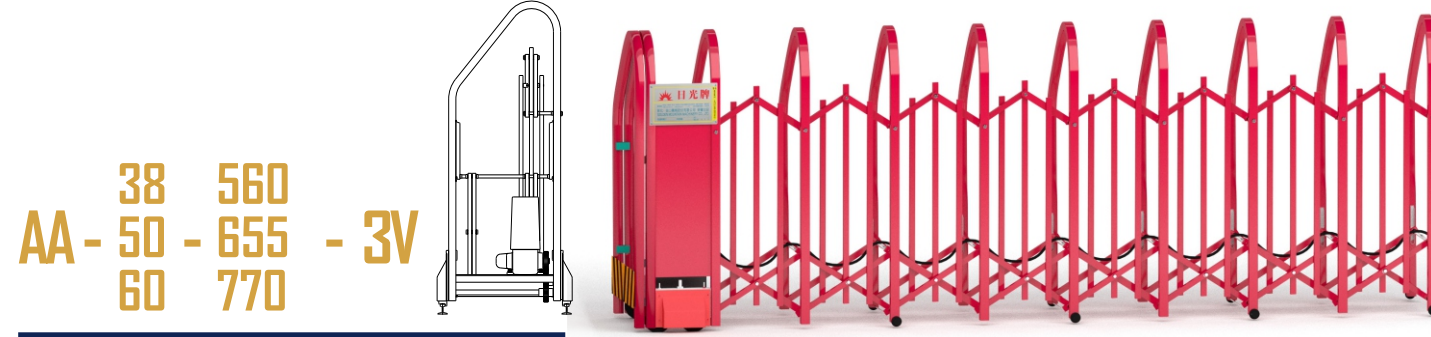
- Chú ý:
1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
 2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm



AA - 38 560
50 - 655 - 2V
60 770

Khoảng cách trung tâm ray (mm)	560 / 655 / 770			
Kiểu dáng thanh chéo	2V			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38	50 x 50	30 x 60	
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25	30 x 30	30 x 30	
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng (mm)	25 x 25	30 x 30	20 x 40	
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	36/40/45	36/40/45	36/40/45	36/40/45

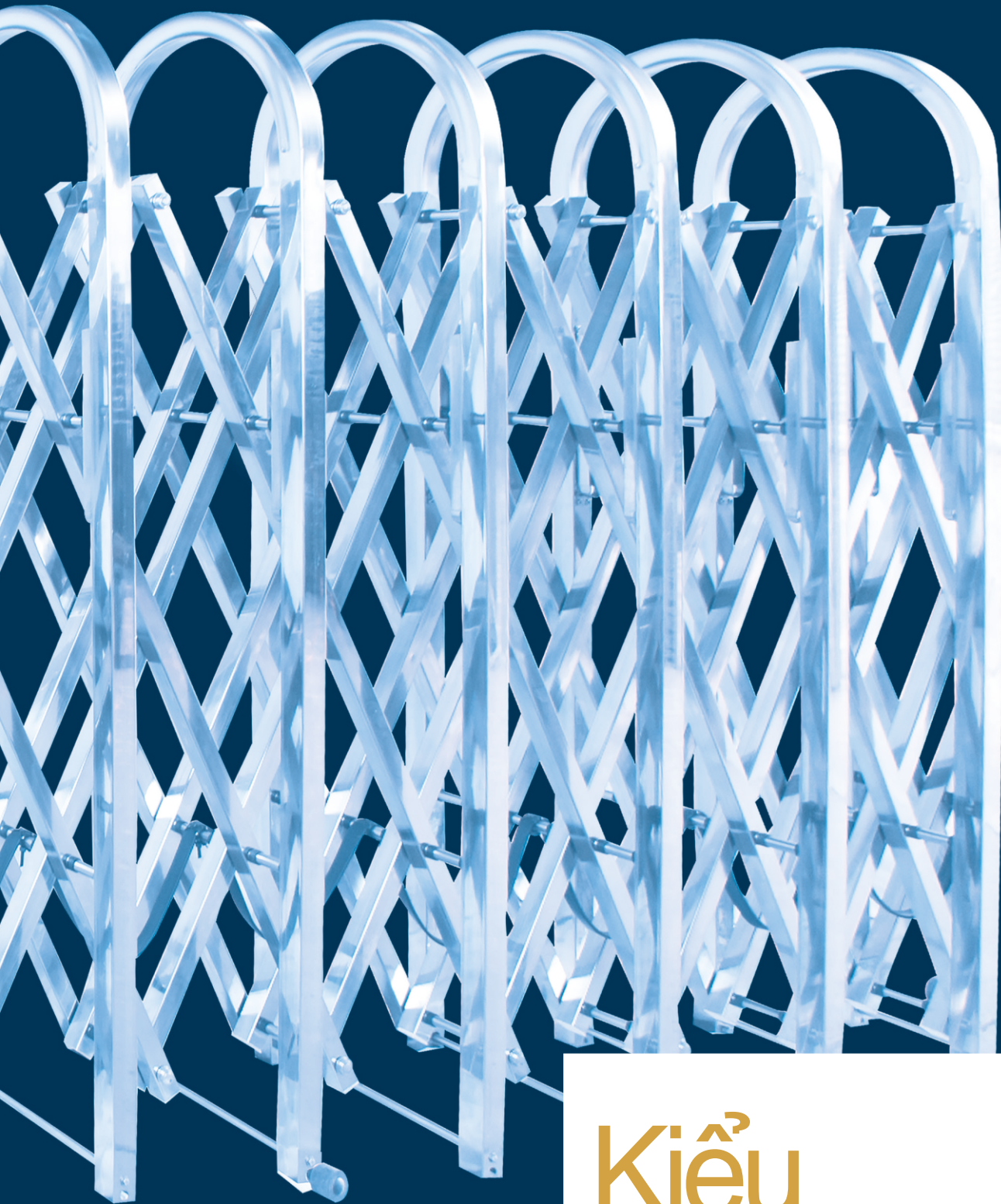
- Chú ý:
1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
 2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm



AA - 38 560
50 - 655 - 3V
60 770

Khoảng cách trung tâm ray (mm)	560 / 655 / 770			
Kiểu dáng thanh chéo	3V			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38	50 x 50	30 x 60	
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25	30 x 30	30 x 30	
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng (mm)	25 x 25	30 x 30	20 x 40	
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng phụ (mm)	25 x 25	30 x 30	20 x 40	
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	53	60	60/75	60/75

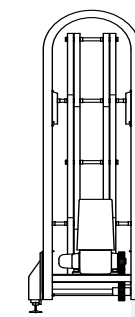
- Chú ý:
1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
 2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm



Kiểu bán nguyệt



BA-38 - 470 - 4A

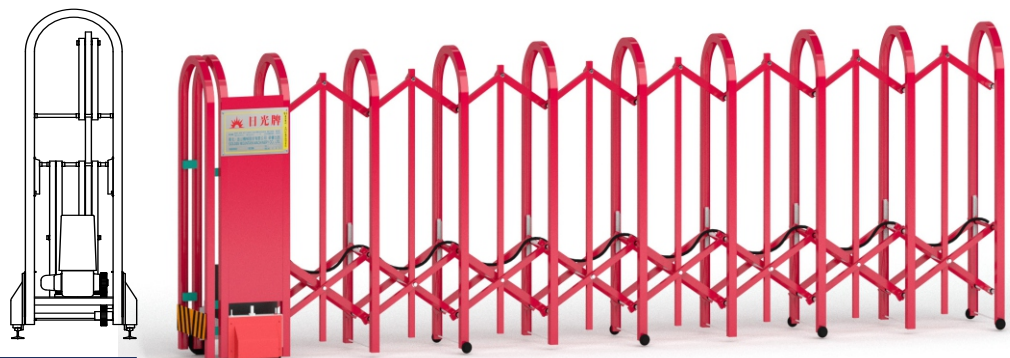


Khoảng cách trung tâm ray (mm)	470			
Kiểu dáng thanh chéo	4A			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38			
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25			
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	36/40	36/40/45	36/40/45	36/40/45

Chú ý:

1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm

BA-38-470-2V

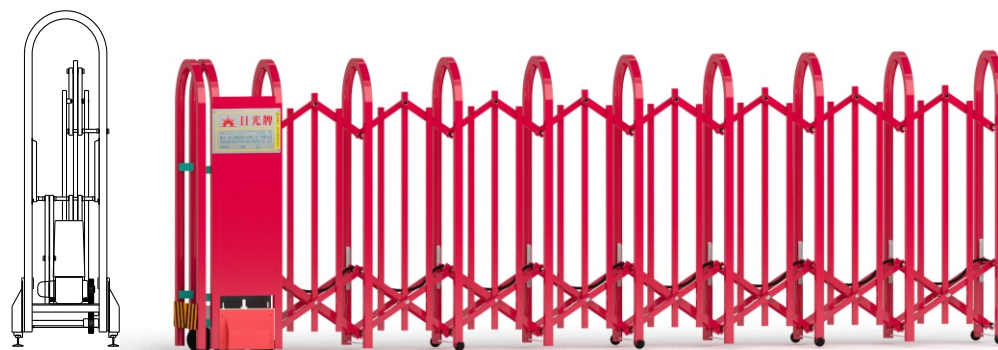


Khoảng cách trung tâm ray (mm)	470			
Kiểu dáng thanh chéo	2V			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38			
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25			
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng (mm)	25 x 25			
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	36/40/45	36/40/45	36/40/45	36/45/50

Chú ý:

1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm

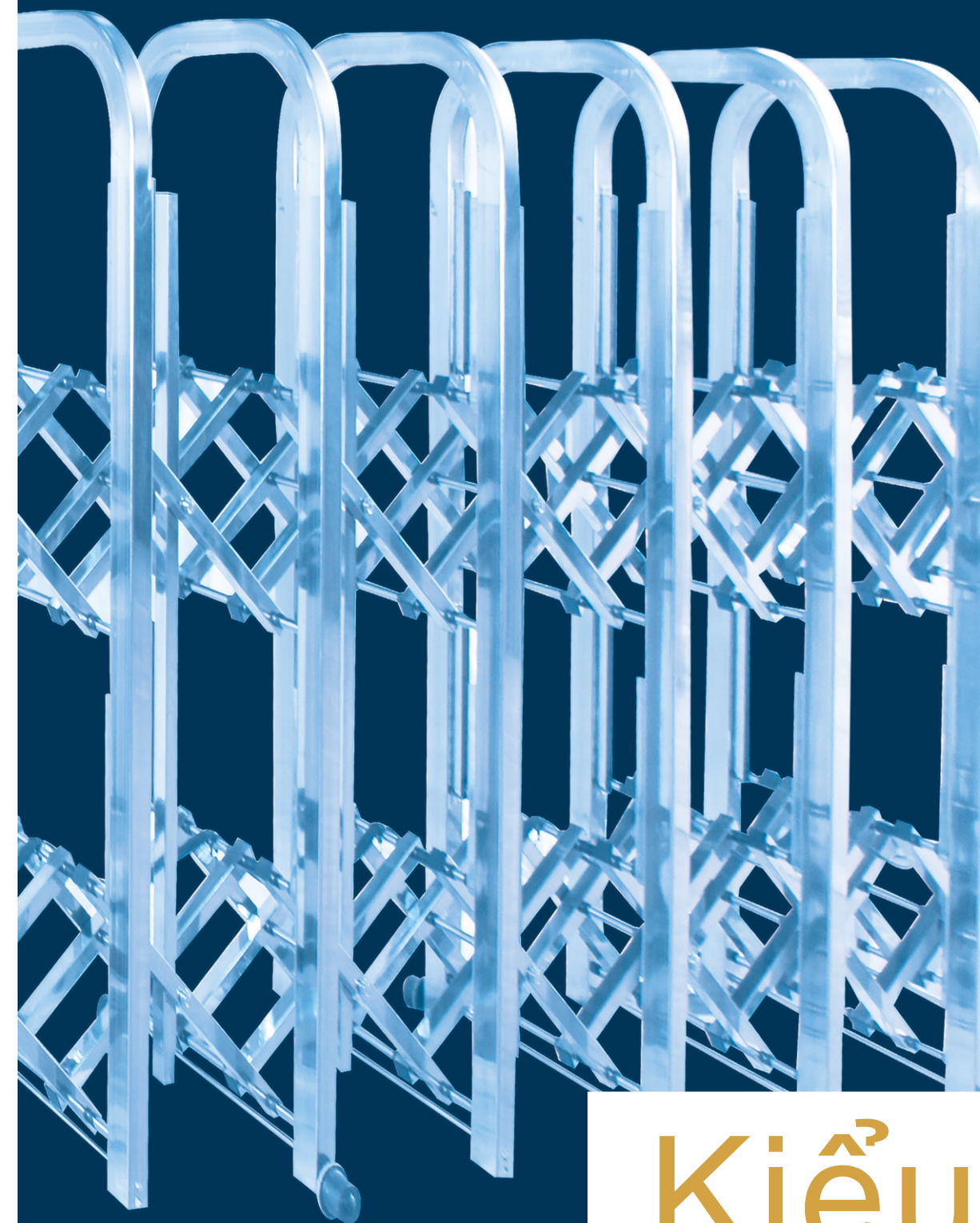
BA-38-470-3V



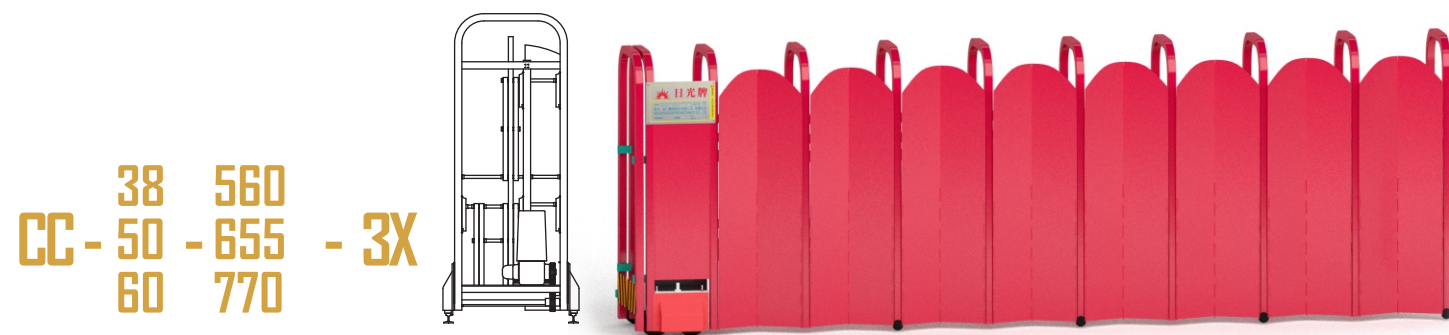
Khoảng cách trung tâm ray (mm)	470			
Kiểu dáng thanh chéo	3V			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38			
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25			
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng (mm)	25 x 25			
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng phụ (mm)	25 x 25			
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	53	60	60/75	60/75

Chú ý:

1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm



Kiểu
vuông



Khoảng cách trung tâm ray (mm)	560 / 655 / 770 Ống 50 số serie 560-3X không áp dụng cho loại nửa kín/ kín toàn bộ			
Kiểu dáng thanh chéo	3X			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38	50 x 50	30 x 60	
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25	30 x 30	30 x 30	
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng (mm)	25 x 25	30 x 30	20 x 40	
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	36/40	36/40/45	36/40/45	36/40/45

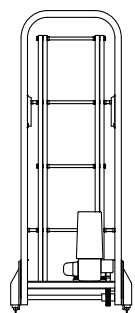
Chú ý:
 1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
 2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm



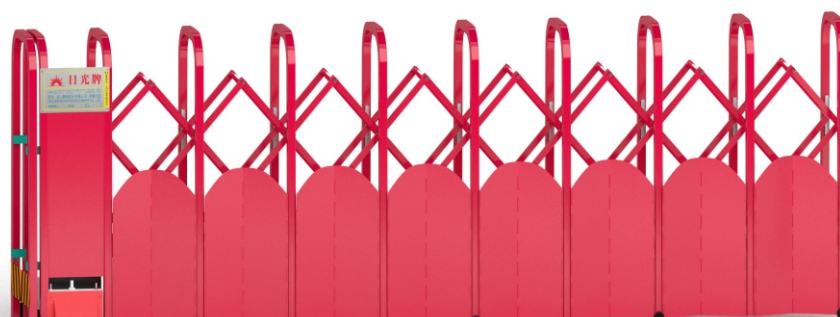
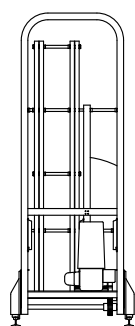
Khoảng cách trung tâm ray (mm)	560 / 655 / 770 Ống 50 số serie 560-4X không áp dụng cho loại nửa kín/ kín toàn bộ			
Kiểu dáng thanh chéo	4X			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38	50 x 50	30 x 60	
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25	30 x 30	30 x 30	
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng (mm)	25 x 25	30 x 30	20 x 40	
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	36/40	36/40/45	36/40/45	36/40/45

Chú ý:
 1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
 2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm

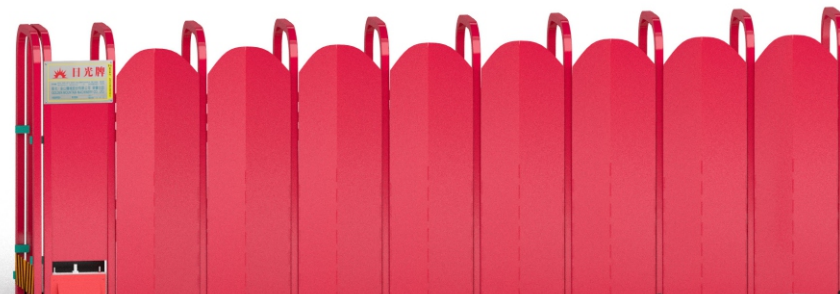
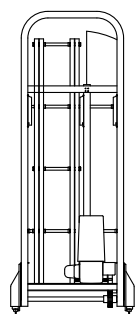
CA - 38 560
50 - 655 - 4A
60 770



CB - 38 560
50 - 655 - 4A
60 770



CC - 38 560
50 - 655 - 4A
60 770

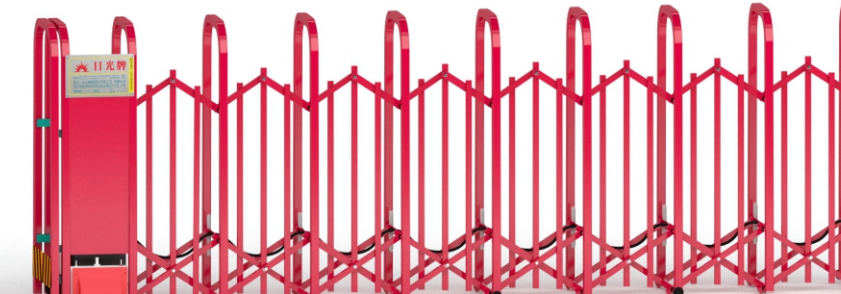
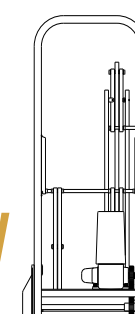


Khoảng cách trung tâm ray (mm)	560 / 655 / 770 (50 管 560-4A 半 / 全密型不適用)			
Kiểu dáng thanh chéo	4A			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38	50 x 50	30 x 60	
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25	30 x 30	30 x 30	
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	36/40	36/40/45	36/40/45	36/40/45

- Chú ý:
1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
 2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm



CA - 38 560
50 - 655 - 3V
60 770



Khoảng cách trung tâm ray (mm)	560 / 655 / 770			
Kiểu dáng thanh chéo	3V			
Kích thước phủ bì thanh chính (mm)	38 x 38	50 x 50	30 x 60	
Kích thước phủ bì thanh chéo (mm)	25 x 25	30 x 30	30 x 30	
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng (mm)	25 x 25	30 x 30	20 x 40	
Kích thước phủ bì thanh thẳng bằng phụ (mm)	25 x 25	30 x 30	20 x 40	
Cao (cm)	132	152	172	192
Khoảng cách thanh (cm)	53	60	60/75	60/75

- Chú ý:
1. Độ dày của thanh khung thay đổi tùy vào chất liệu sử dụng - Vui lòng tham khảo Phụ lục 2.
 2. Nắp chụp con lăn = Trung tâm ray + 60mm

Phụ lục 1 - Tính toán lượng thanh khung cần mua

Bảng dưới đây có thể giúp bạn căn cứ vào kích thước thông thủy giữa 2 cột cổng và cách lắp ráp cổng để tính toán số lượng thanh chính.

Bảng A - Kích thước phủ bì thanh chính 38×38mm, kích thước phủ bì thanh chéo 25×25mm, kết cấu thanh chéo 4A, không lá chắn, khoảng cách thanh 45cm

Số lượng thanh chính đã bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng	(Áp dụng cho cách bán mở) Chiều rộng khi kéo ra, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	Chiều rộng khi xếp lại, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	(Áp dụng cho cách mở hoàn toàn) Chiều rộng thông thủy khi mở hoàn toàn (Mét)
9	3.14	0.68	2.13
10	3.59	0.72	2.54
11	4.04	0.76	2.95
12	4.49	0.80	3.36
13	4.94	0.84	3.77
14	5.39	0.88	4.18
15	5.84	0.92	4.59
16	6.29	0.96	5.00
17	6.74	1.00	5.41
18	7.19	1.04	5.82
19	7.64	1.08	6.23
20	8.09	1.12	6.64
21	8.54	1.16	7.05
22	8.99	1.20	7.46
23	9.44	1.24	7.87
24	9.89	1.28	8.28
25	10.34	1.32	8.69
26	10.79	1.36	9.10
27	11.24	1.40	9.51
28	11.69	1.44	9.92
29	12.14	1.48	10.33
30	12.59	1.52	10.74
31	13.04	1.56	11.15
32	13.49	1.60	11.56
33	13.94	1.64	11.97
34	14.39	1.68	12.38
35	14.84	1.72	12.79
36	15.29	1.76	13.20
37	15.74	1.80	13.61
38	16.19	1.84	14.02
39	16.64	1.88	14.43
40	17.09	1.92	14.84
41	17.54	1.96	15.25
42	17.99	2.00	15.66
43	18.44	2.04	16.07
44	18.89	2.08	16.48
45	19.34	2.12	16.89
46	19.79	2.16	17.30
47	20.24	2.20	17.71
48	20.69	2.24	18.12
49	21.14	2.28	18.53
50	21.59	2.32	18.94
51	22.04	2.36	19.35
52	22.49	2.40	19.76
53	22.94	2.44	20.17
54	23.39	2.48	20.58

Nếu vượt quá kích thước trong bảng, bạn có thể cộng 1 ở cột 1, cộng 0,45 ở cột 2, cộng 0,04 ở cột 3.

Bảng B - Kích thước phủ bì thanh chính 38×38mm, kích thước phủ bì thanh chéo 25×25mm, kích thước phủ bì thanh thẳng bằng 25×25mm, kiểu dáng thanh chéo (kết cấu) 3X / 4X / 2V, không lá chắn, khoảng cách thanh 45cm

Số lượng thanh chính đã bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng	(Áp dụng cho cách bán mở) Chiều rộng khi kéo ra, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	Chiều rộng khi xếp lại, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	(Áp dụng cho cách mở hoàn toàn) Chiều rộng thông thủy khi mở hoàn toàn (Mét)
9	3.14	0.73	2.08
10	3.59	0.78	2.48
11	4.04	0.82	2.89
12	4.49	0.87	3.29
13	4.94	0.92	3.69
14	5.39	0.97	4.09
15	5.84	1.02	4.49
16	6.29	1.06	4.90
17	6.74	1.11	5.30
18	7.19	1.16	5.70
19	7.64	1.21	6.10
20	8.09	1.26	6.50
21	8.54	1.30	6.91
22	8.99	1.35	7.31
23	9.44	1.40	7.71
24	9.89	1.45	8.11
25	10.34	1.50	8.51
26	10.79	1.54	8.92
27	11.24	1.59	9.32
28	11.69	1.64	9.72
29	12.14	1.69	10.12
30	12.59	1.74	10.52
31	13.04	1.78	10.93
32	13.49	1.83	11.33
33	13.94	1.88	11.73
34	14.39	1.93	12.13
35	14.84	1.98	12.53
36	15.29	2.02	12.94
37	15.74	2.07	13.34
38	16.19	2.12	13.74
39	16.64	2.17	14.14
40	17.09	2.22	14.54
41	17.54	2.26	14.95
42	17.99	2.31	15.35
43	18.44	2.36	15.75
44	18.89	2.41	16.15
45	19.34	2.46	16.55
46	19.79	2.50	16.96
47	20.24	2.55	17.36
48	20.69	2.60	17.76
49	21.14	2.65	18.16
50	21.59	2.70	18.56
51	22.04	2.74	18.97
52	22.49	2.79	19.37
53	22.94	2.84	19.77
54	23.39	2.89	20.17
55	23.84	2.94	20.57

Nếu vượt quá kích thước trong bảng, bạn có thể cộng 1 ở cột 1, cộng 0,45 ở cột 2, cộng 0,048 ở cột 3.

Bảng C - Kích thước phủ bì thanh chính 38x38mm, kích thước phủ bì thanh chéo 25x25mm, kích thước phủ bì thanh thẳng bằng 25x25mm, kiểu dáng thanh chéo (kết cấu) 4A / 2V / 3V / 3X / 4X, nửa kín/ kín toàn bộ, khoảng cách thanh 45cm

Số lượng thanh chính đã bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng	(Áp dụng cho cách bán mở) Chiều rộng khi kéo ra, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	Chiều rộng khi xếp lại, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	(Áp dụng cho cách mở hoàn toàn) Chiều rộng thông thủy khi mở hoàn toàn (Mét)
9	3.14	0.76	2.05
10	3.59	0.82	2.44
11	4.04	0.87	2.84
12	4.49	0.93	3.23
13	4.94	0.98	3.63
14	5.39	1.03	4.03
15	5.84	1.09	4.42
16	6.29	1.14	4.82
17	6.74	1.20	5.21
18	7.19	1.25	5.61
19	7.64	1.30	6.01
20	8.09	1.36	6.40
21	8.54	1.41	6.80
22	8.99	1.47	7.19
23	9.44	1.52	7.59
24	9.89	1.57	7.99
25	10.34	1.63	8.38
26	10.79	1.68	8.78
27	11.24	1.74	9.17
28	11.69	1.79	9.57
29	12.14	1.84	9.97
30	12.59	1.90	10.36
31	13.04	1.95	10.76
32	13.49	2.01	11.15
33	13.94	2.06	11.55
34	14.39	2.11	11.95
35	14.84	2.17	12.34
36	15.29	2.22	12.74
37	15.74	2.28	13.13
38	16.19	2.33	13.53
39	16.64	2.38	13.93
40	17.09	2.44	14.32
41	17.54	2.49	14.72
42	17.99	2.55	15.11
43	18.44	2.60	15.51
44	18.89	2.65	15.91
45	19.34	2.71	16.30
46	19.79	2.76	16.70
47	20.24	2.82	17.09
48	20.69	2.87	17.49
49	21.14	2.92	17.89
50	21.59	2.98	18.28
51	22.04	3.03	18.68
52	22.49	3.09	19.07
53	22.94	3.14	19.47
54	23.39	3.19	19.87
55	23.84	3.25	20.26

Nếu vượt quá kích thước trong bảng, bạn có thể cộng 1 ở cột 1, cộng 0,45 ở cột 2, cộng 0,054 ở cột 3.

表 D - 主門桿外徑尺寸 30x60mm · 交叉桿外徑尺寸 30x30mm · 平衡桿外徑尺寸 20x40mm · 交叉桿型式 (結構) 4A / 2V / 3V / 3X / 4X · 透空 · 桿距 45cm

Số lượng thanh chính đã bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng	(Áp dụng cho cách bán mở) Chiều rộng khi kéo ra, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	Chiều rộng khi xếp lại, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	(Áp dụng cho cách mở hoàn toàn) Chiều rộng thông thủy khi mở hoàn toàn (Mét)
9	3.18	0.85	1.97
10	3.63	0.91	2.36
11	4.08	0.98	2.74
12	4.53	1.04	3.13
13	4.98	1.10	3.52
14	5.43	1.16	3.91
15	5.88	1.22	4.30
16	6.33	1.29	4.68
17	6.78	1.35	5.07
18	7.23	1.41	5.46
19	7.68	1.47	5.85
20	8.13	1.53	6.24
21	8.58	1.60	6.62
22	9.03	1.66	7.01
23	9.48	1.72	7.40
24	9.93	1.78	7.79
25	10.38	1.84	8.18
26	10.83	1.91	8.56
27	11.28	1.97	8.95
28	11.73	2.03	9.34
29	12.18	2.09	9.73
30	12.63	2.15	10.12
31	13.08	2.22	10.50
32	13.53	2.28	10.89
33	13.98	2.34	11.28
34	14.43	2.40	11.67
35	14.88	2.46	12.06
36	15.33	2.53	12.44
37	15.78	2.59	12.83
38	16.23	2.65	13.22
39	16.68	2.71	13.61
40	17.13	2.77	14.00
41	17.58	2.84	14.38
42	18.03	2.90	14.77
43	18.48	2.96	15.16
44	18.93	3.02	15.55
45	19.38	3.08	15.94
46	19.83	3.15	16.32
47	20.28	3.21	16.71
48	20.73	3.27	17.10
49	21.18	3.33	17.49
50	21.63	3.39	17.88
51	22.08	3.46	18.26
52	22.53	3.52	18.65
53	22.98	3.58	19.04
54	23.43	3.64	19.43
55	23.88	3.70	19.82

Nếu vượt quá kích thước trong bảng, bạn có thể cộng 1 ở cột 1, cộng 0,45 ở cột 2, cộng 0,062 ở cột 3.

Bảng E - Kích thước phủ bì thanh chính 30×60mm, kích thước phủ bì thanh chéo 30×30mm, kích thước phủ bì thanh thẳng bằng 20×40mm, kiểu dáng thanh chéo (kết cấu) 4A / 2V / 3V / 3X / 4X, nửa kín/ kín toàn bộ, khoảng cách thanh 45cm

Số lượng thanh chính đã bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng	(Áp dụng cho cách bán mở) Chiều rộng khi kéo ra, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	Chiều rộng khi xếp lại, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	(Áp dụng cho cách mở hoàn toàn) Chiều rộng thông thủy khi mở hoàn toàn (Mét)
9	3.18	0.94	1.88
10	3.63	1.01	2.26
11	4.08	1.09	2.63
12	4.53	1.16	3.01
13	4.98	1.24	3.38
14	5.43	1.32	3.75
15	5.88	1.39	4.13
16	6.33	1.47	4.50
17	6.78	1.54	4.88
18	7.23	1.62	5.25
19	7.68	1.70	5.62
20	8.13	1.77	6.00
21	8.58	1.85	6.37
22	9.03	1.92	6.75
23	9.48	2.00	7.12
24	9.93	2.08	7.49
25	10.38	2.15	7.87
26	10.83	2.23	8.24
27	11.28	2.30	8.62
28	11.73	2.38	8.99
29	12.18	2.46	9.36
30	12.63	2.53	9.74
31	13.08	2.61	10.11
32	13.53	2.68	10.49
33	13.98	2.76	10.86
34	14.43	2.84	11.23
35	14.88	2.91	11.61
36	15.33	2.99	11.98
37	15.78	3.06	12.36
38	16.23	3.14	12.73
39	16.68	3.22	13.10
40	17.13	3.29	13.48
41	17.58	3.37	13.85
42	18.03	3.44	14.23
43	18.48	3.52	14.60
44	18.93	3.60	14.97
45	19.38	3.67	15.35
46	19.83	3.75	15.72
47	20.28	3.82	16.10
48	20.73	3.90	16.47
49	21.18	3.98	16.84
50	21.63	4.05	17.22
51	22.08	4.13	17.59
52	22.53	4.20	17.97
53	22.98	4.28	18.34
54	23.43	4.36	18.71
55	23.88	4.43	19.09

Nếu vượt quá kích thước trong bảng, bạn có thể cộng 1 ở cột 1, cộng 0,45 ở cột 2, cộng 0,076 ở cột 3.

Bảng F - Kích thước phủ bì thanh chính 50×50mm, kích thước phủ bì thanh chéo 30×30mm, kích thước phủ bì thanh thẳng bằng 30×30mm, kiểu dáng thanh chéo (kết cấu) 4A / 3X / 4X / 2V / 3V, không lá chắn, khoảng cách thanh 45cm

Số lượng thanh chính đã bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng	(Áp dụng cho cách bán mở) Chiều rộng khi kéo ra, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	Chiều rộng khi xếp lại, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	(Áp dụng cho cách mở hoàn toàn) Chiều rộng thông thủy khi mở hoàn toàn (Mét)
9	3.16	0.77	2.04
10	3.61	0.82	2.44
11	4.06	0.88	2.83
12	4.51	0.93	3.23
13	4.96	0.98	3.63
14	5.41	1.03	4.03
15	5.86	1.08	4.43
16	6.31	1.14	4.82
17	6.76	1.19	5.22
18	7.21	1.24	5.62
19	7.66	1.29	6.02
20	8.11	1.34	6.42
21	8.56	1.40	6.81
22	9.01	1.45	7.21
23	9.46	1.50	7.61
24	9.91	1.55	8.01
25	10.36	1.60	8.41
26	10.81	1.66	8.80
27	11.26	1.71	9.20
28	11.71	1.76	9.60
29	12.16	1.81	10.00
30	12.61	1.86	10.40
31	13.06	1.92	10.79
32	13.51	1.97	11.19
33	13.96	2.02	11.59
34	14.41	2.07	11.99
35	14.86	2.12	12.39
36	15.31	2.18	12.78
37	15.76	2.23	13.18
38	16.21	2.28	13.58
39	16.66	2.33	13.98
40	17.11	2.38	14.38
41	17.56	2.44	14.77
42	18.01	2.49	15.17
43	18.46	2.54	15.57
44	18.91	2.59	15.97
45	19.36	2.64	16.37
46	19.81	2.70	16.76
47	20.26	2.75	17.16
48	20.71	2.80	17.56
49	21.16	2.85	17.96
50	21.61	2.90	18.36
51	22.06	2.96	18.75
52	22.51	3.01	19.15
53	22.96	3.06	19.55
54	23.41	3.11	19.95
55	23.86	3.16	20.35

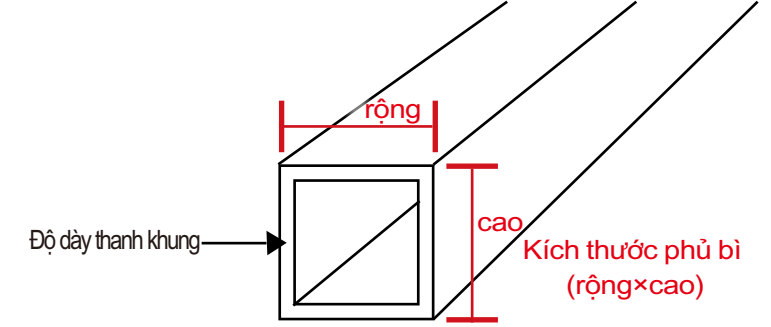
Nếu vượt quá kích thước trong bảng, bạn có thể cộng 1 ở cột 1, cộng 0,45 ở cột 2, cộng 0,052 ở cột 3.

Bảng G - Kích thước phủ bì thanh chính 50x50mm, kích thước phủ bì thanh chéo 30x30mm, kích thước phủ bì thanh thẳng bằng 30x30mm, kiểu dáng thanh chéo (kết cấu) 4A / 2V / 3V / 3X / 4X, nửa kín/ kín toàn bộ, khoảng cách thanh 45cm

Số lượng thanh chính đã bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng	(Áp dụng cho cách bán mở) Chiều rộng khi kéo ra, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	Chiều rộng khi xếp lại, bao gồm mô tơ và thanh chạm dừng (M)	(Áp dụng cho cách mở hoàn toàn) Chiều rộng thông thủy khi mở hoàn toàn (Mét)
9	3.16	0.86	1.95
10	3.61	0.92	2.34
11	4.06	0.99	2.72
12	4.51	1.05	3.11
13	4.96	1.12	3.49
14	5.41	1.19	3.87
15	5.86	1.25	4.26
16	6.31	1.32	4.64
17	6.76	1.38	5.03
18	7.21	1.45	5.41
19	7.66	1.52	5.79
20	8.11	1.58	6.18
21	8.56	1.65	6.56
22	9.01	1.71	6.95
23	9.46	1.78	7.33
24	9.91	1.85	7.71
25	10.36	1.91	8.10
26	10.81	1.98	8.48
27	11.26	2.04	8.87
28	11.71	2.11	9.25
29	12.16	2.18	9.63
30	12.61	2.24	10.02
31	13.06	2.31	10.40
32	13.51	2.37	10.79
33	13.96	2.44	11.17
34	14.41	2.51	11.55
35	14.86	2.57	11.94
36	15.31	2.64	12.32
37	15.76	2.70	12.71
38	16.21	2.77	13.09
39	16.66	2.84	13.47
40	17.11	2.90	13.86
41	17.56	2.97	14.24
42	18.01	3.03	14.63
43	18.46	3.10	15.01
44	18.91	3.17	15.39
45	19.36	3.23	15.78
46	19.81	3.30	16.16
47	20.26	3.36	16.55
48	20.71	3.43	16.93
49	21.16	3.50	17.31
50	21.61	3.56	17.70
51	22.06	3.63	18.08
52	22.51	3.69	18.47
53	22.96	3.76	18.85
54	23.41	3.83	19.23

Nếu vượt quá kích thước trong bảng, bạn có thể cộng 1 ở cột 1, cộng 0,45 ở cột 2, cộng 0,066 ở cột 3.

Phụ lục 2 Độ dày thanh khung



Độ dày thanh khung tùy vào chất liệu và kích thước phủ bì mà có sự khác biệt. Ví dụ: Nếu chọn thanh chính với chất liệu inox, kích thước phủ bì 50x50mm, thì độ dày của thanh là 1,2mm.

	Inox		Thép đen	
	Kích thước phủ bì (mm)	Độ dày (mm)	Kích thước phủ bì (mm)	Độ dày (mm)
Thanh chính	38x38	1.0	38x38	1.2
	50x50	1.5		
	30x60	1.2		
Thanh chéo	25x25	0.8	25x25	1.0
	30x30	0.8		
Thanh thẳng bằng	25x25	0.8	25x25	1.0
	30x30	0.8		
	25x40	0.9		

Lá chắn

Kích thước phủ bì của thanh chính	Chiều cao thanh chính (m)	Khoảng cách trung tâm ray (mm)	Chiều cao kín toàn bộ (mm)	Chiều cao nửa kín (mm)
38x38	1.32	470/770	1090/1040	590/540
	1.52	470/770	1290/1240	690/640
	1.72	470/770	1490/1440	790/740
	1.92	470/770	1690/1640	890/840
38x38	1.32	560/655	1190/1140	590/540
	1.52	560/655	1390/1340	690/640
	1.72	560/655	1590/1540	790/740
	1.92	560/655	1790/1740	890/840
50x50	132	655/770	1090/1040	590/540
	152	655/770	1290/1240	690/640
	172	655/770	1490/1440	790/740
	192	655/770	1690/1640	890/840
60x30	132	655/770	1190/1140	590/540
	152	655/770	1390/1340	690/640
	172	655/770	1590/1540	790/740
	192	655/770	1790/1740	890/840

Độ dày lá chắn

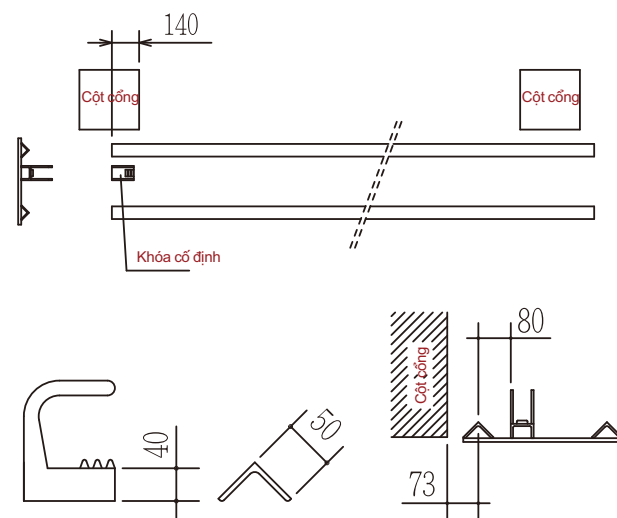
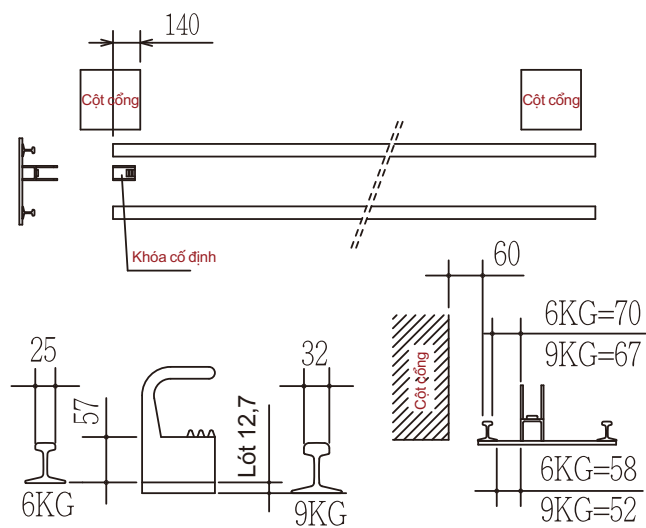
Độ dày lá chắn thay đổi tùy theo chất liệu. Độ dày lá chắn inox là 0,7mm. Độ dày thép đen là 1mm.

Thi công lắp đặt ray: Thanh chính 38x38mm

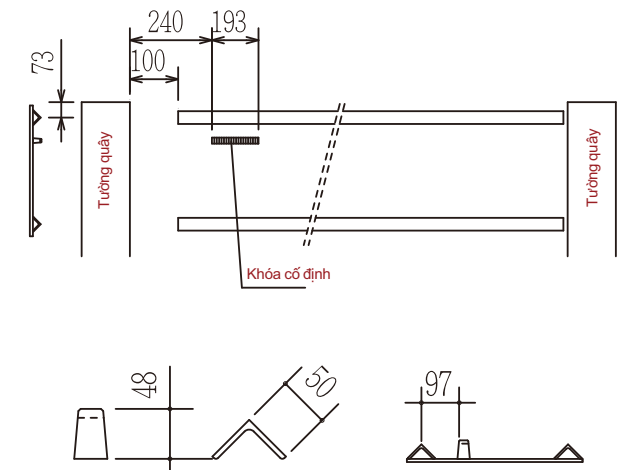
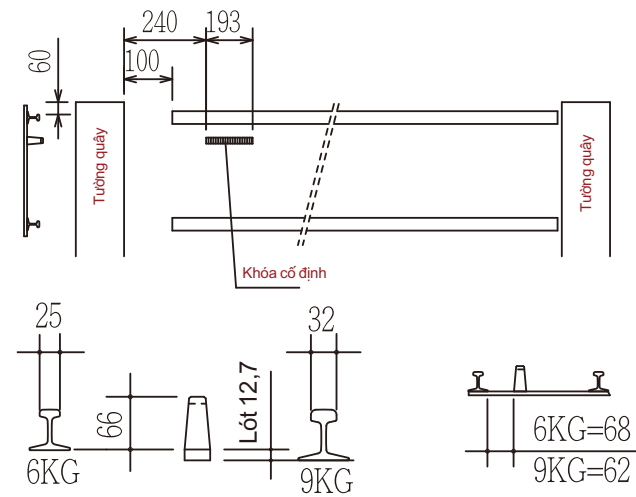
Sơ đồ thi công khóa cố định và ray chữ I 6kg, 9kg

Sơ đồ thi công khóa cố định và ray tam giác

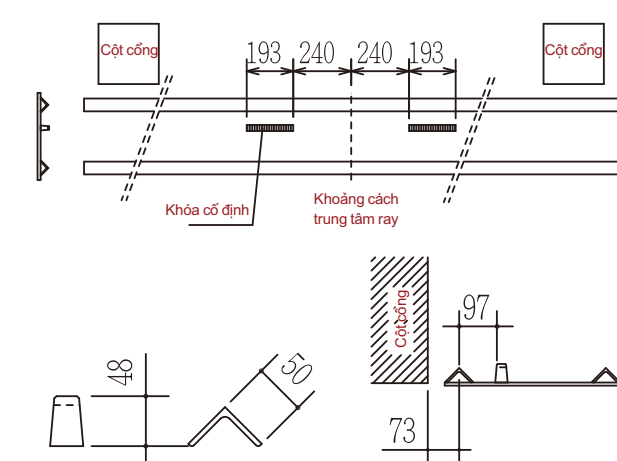
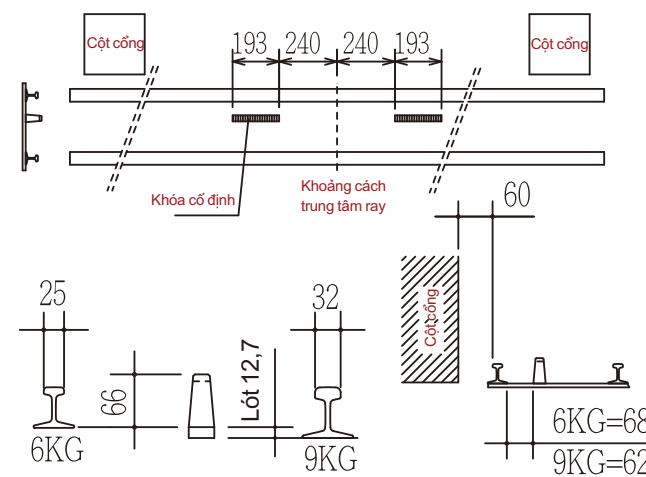
Lắp cổng phía sau cột cổng (mở hoàn toàn)



Lắp cổng bên trong trụ cổng (cách bán mở)



Mở cổng hai bên

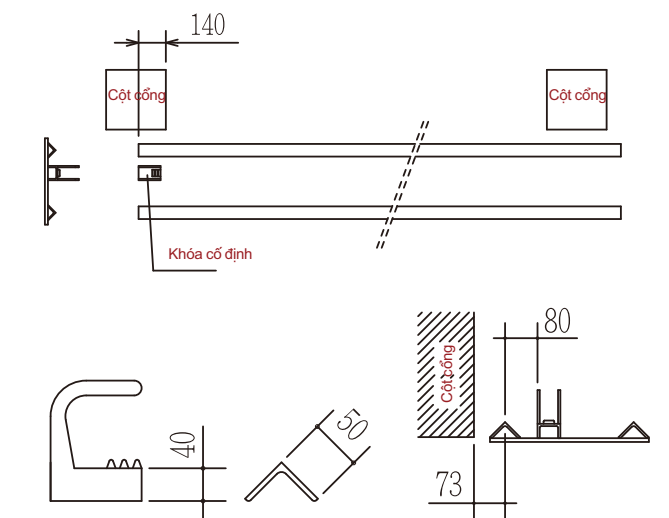
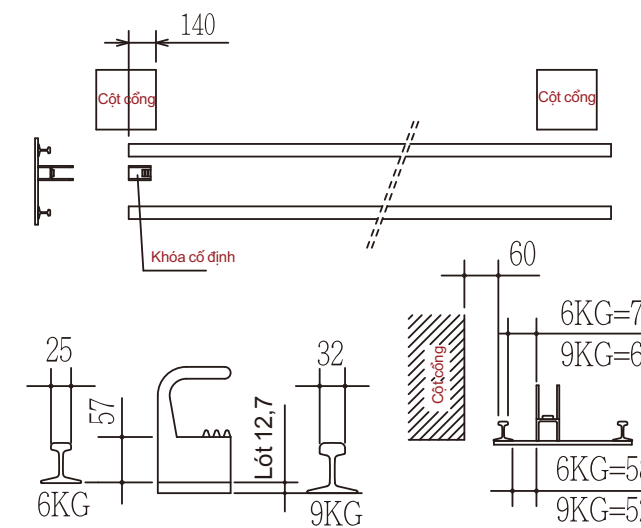


Thi công lắp đặt ray: Thanh chính 30x60mm

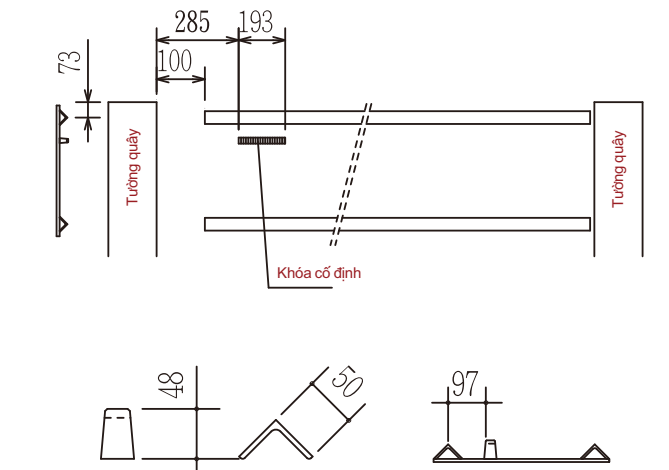
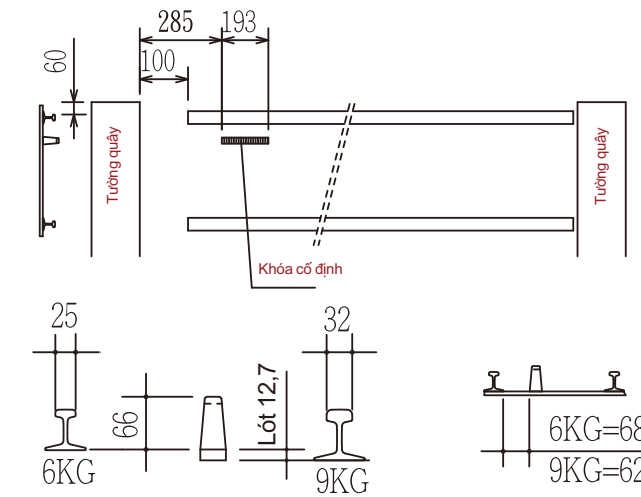
Sơ đồ thi công khóa cố định và ray chữ I 6kg, 9kg

Sơ đồ thi công khóa cố định và ray tam giác

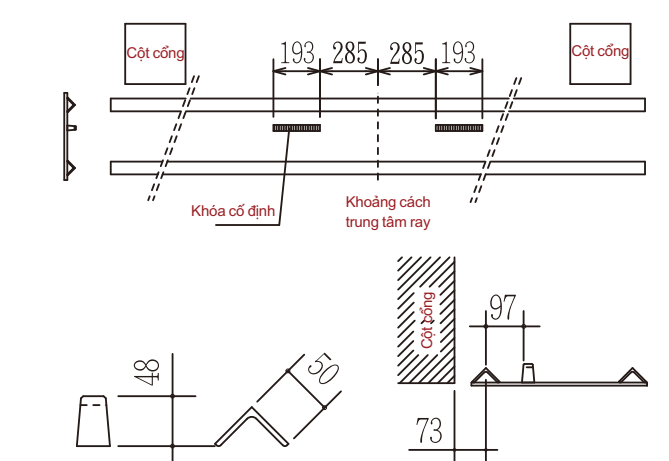
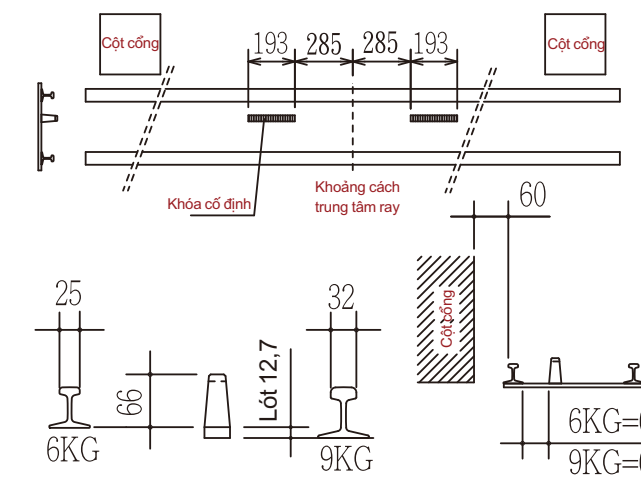
Lắp cổng phía sau cột cổng (mở hoàn toàn)



Lắp cổng bên trong trụ cổng (cách bán mở)



Mở cổng hai bên

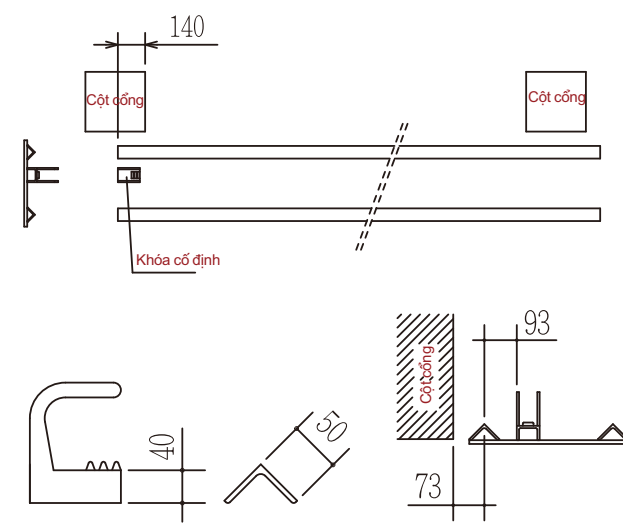
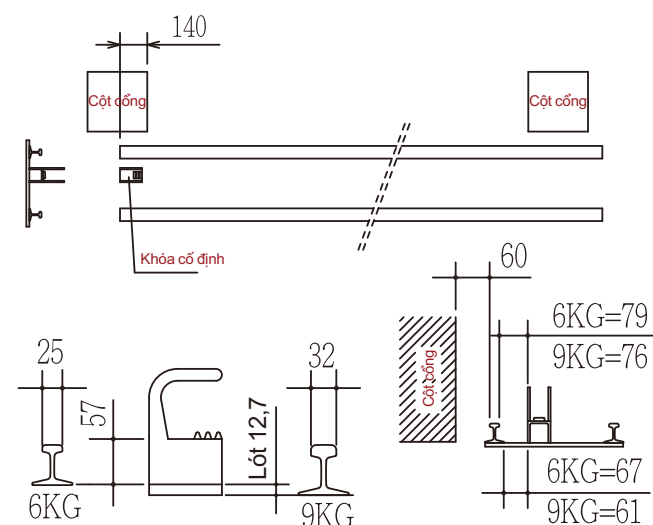


Thi công lắp đặt ray: Thanh chính 50x50mm

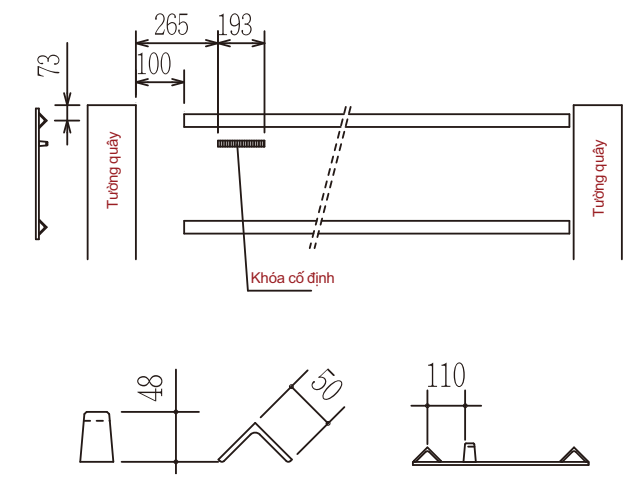
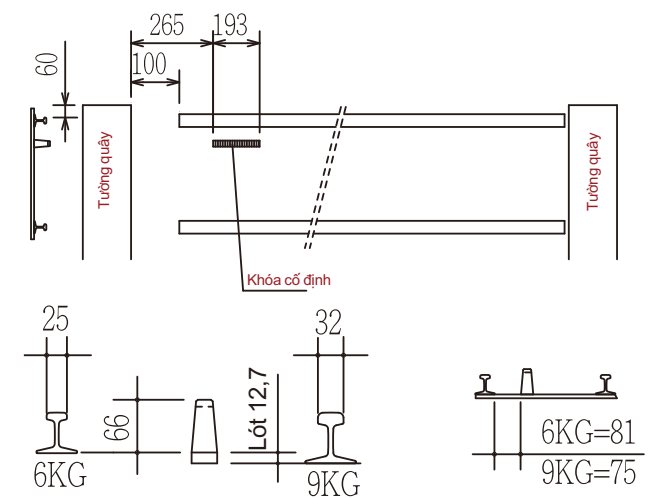
Sơ đồ thi công khóa cố định và ray chữ I 6kg, 9kg

Sơ đồ thi công khóa cố định và ray tam giác

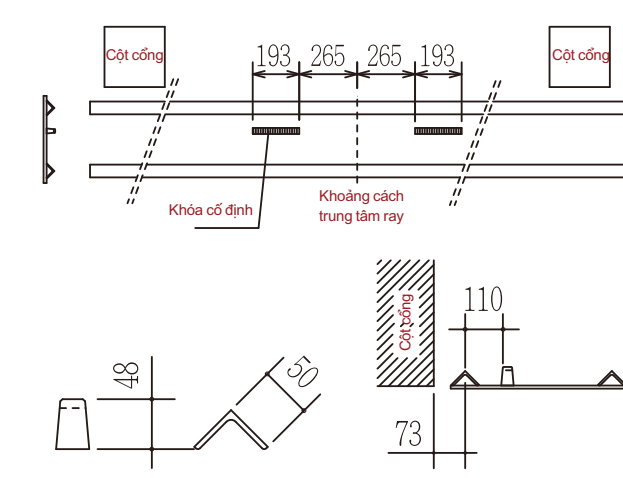
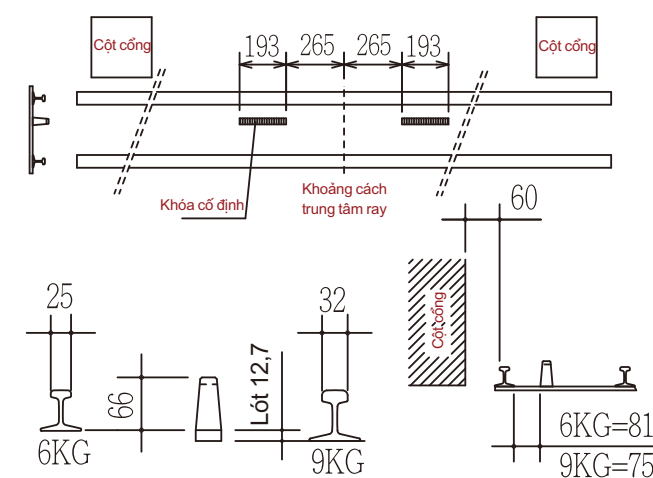
Lắp cổng phía sau cột cổng (mở hoàn toàn)



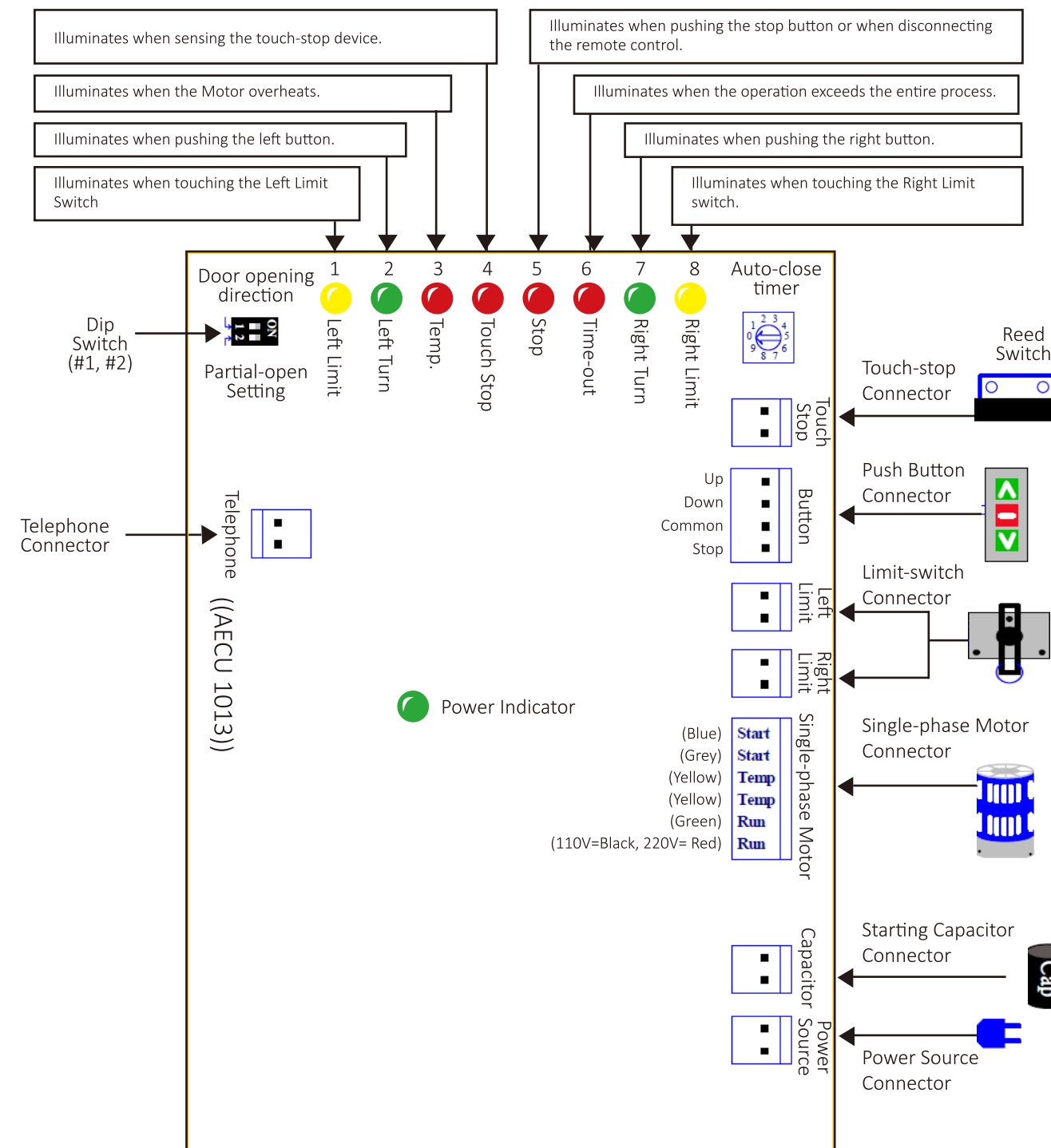
Lắp cổng bên trong trụ cổng (cách bán mở)



Mở cổng hai bên



Single-phase Circuit Board Diagram

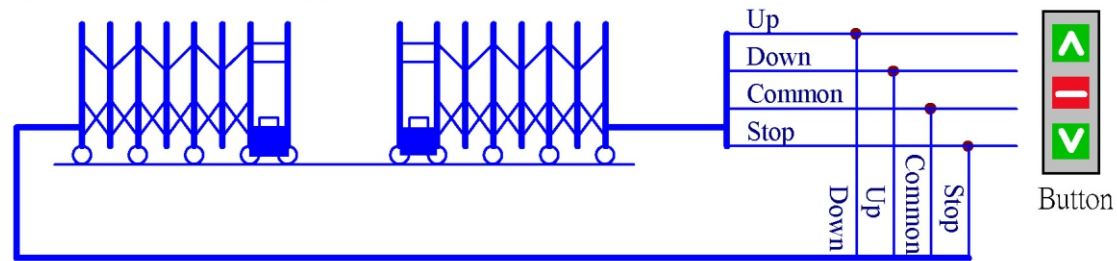


Voltage Range	110V > (90V~125V) 220V > (190V~245V)
Max Load	110V > 1HP 220V > 2 HP
Auto Door Close Timer	6~54 seconds (time can be adjusted as required)
Telephone Remote Control Signal	DTMF Complex Frequency Signal
Push Button Line Wiring Spec	1.25 mm ² x 4C 300V control cable
Power Cord Wiring Spec.	3.5 mm ² x 2C 600V PVC cable

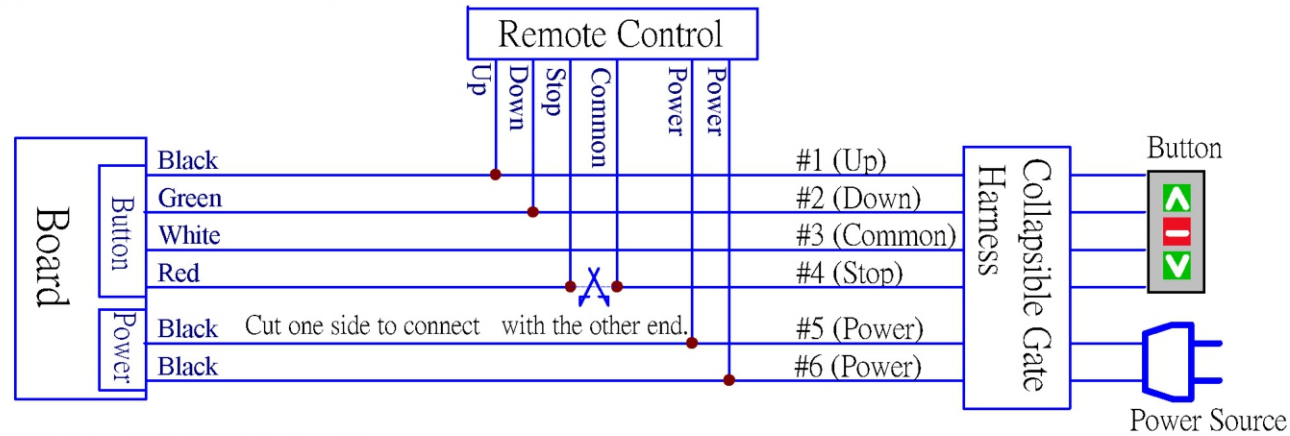
Motor Capacitor Service spec.		
Load	110V	220V
500 Kg	60uF/250V	15uF/350V
1000 Kg	60uF/250V	18uF/350V
2000 Kg		23uF/350V
3000 Kg		30 uF/350V

Peripheral Wiring Diagram

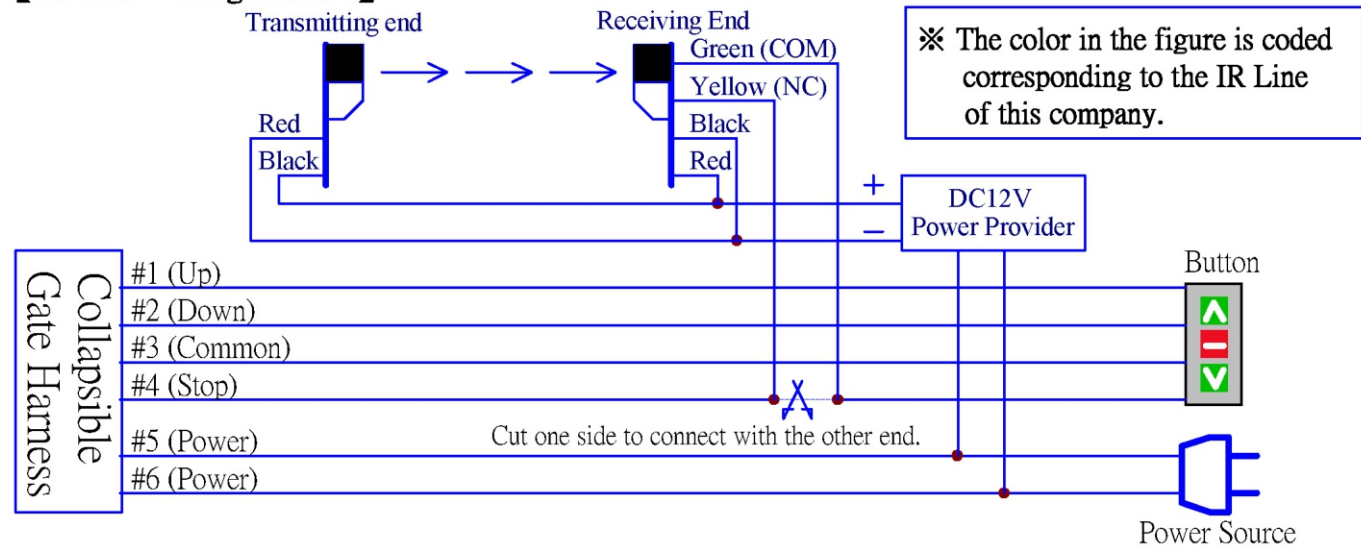
【Twin-flap Door Button Wiring Method】



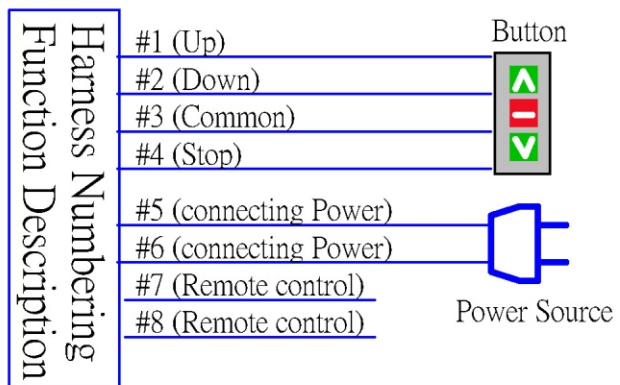
【Remote Control Wiring Method】



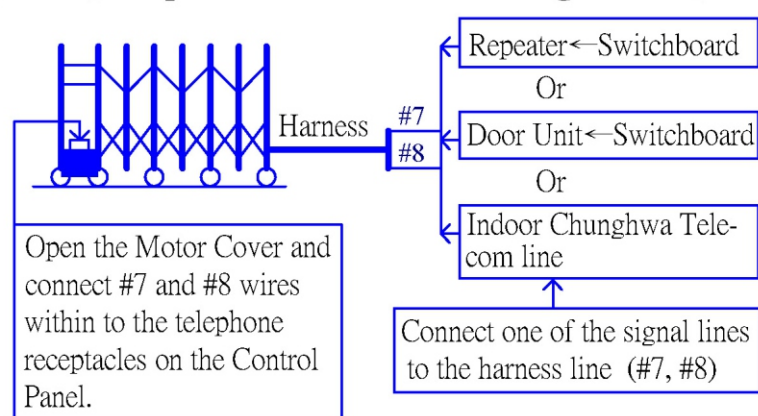
【IR Line Wiring Method】



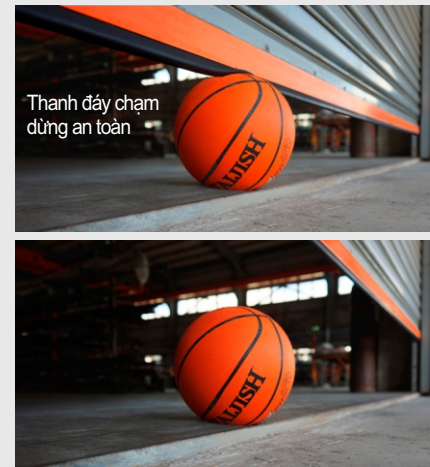
【Harness Numbering Function Description】



【Telephone Remote Control Wiring Method】



Các sản phẩm uy tín, bền bỉ khác của SUNBEAM



Cửa cuốn chống gió bền chắc và thông minh

Thanh đáy chạm dừng an toàn

- Bánh chốt chống gió mạnh
- Ray trượt trơn tru
- Thiết kế con lăn đầu ray giúp tránh ma sát
- Bảng mạch điện loại thông minh
- Tiếng ồn thấp

An toàn

Cửa cuốn chống gió tốc độ cao Tốc độ cao

- Nan cửa bền chắc, chống nứt vỡ
- Con lăn chống gió mạnh giúp nan cửa không bị tuột ra khỏi ray
- Là sản phẩm đầu tiên trên thế giới có thể sử dụng remote để chuyển sang chế độ thao tác đóng mở cửa bằng tay
- Mô tơ cửa cuốn đặt cố định phía dưới bên phải lô cuốn để dễ bảo trì, sửa chữa



Mô tơ cửa cuốn

Hệ thống phanh điện từ

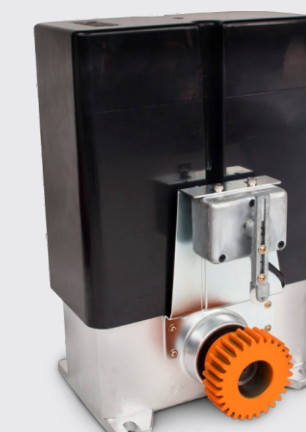
- Không cần cuộn dây phanh và bộ chỉnh lưu

Bền bỉ



Cổng trượt thông minh

Loại thông minh



- Thiết kế an toàn lực cân (tùy chọn)
- Điều khiển bằng điện thoại di động (tùy chọn)
- Thiết lập chiều rộng tùy ý cho cửa nhỏ (tùy chọn)
- Hẹn giờ tự động đóng cửa (tùy chọn)
- Thiết kế an toàn dừng lại khi quá thời gian (tùy chọn)
- Bảng mạch điện loại thông minh
- Chuyển về "mô" (khi mất điện có thể chuyển sang thao tác bằng tay)

Công ty chúng tôi có quyền cải tiến và sửa chữa sản phẩm mà không cần thông báo thêm.